

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 209 – Chúa nhật 10.11.2013

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Sứ Mệnh Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay	Vatican 2
SỰ SỐNG LẠI VÀ VƯƠNG QUỐC THIÊN CHÚA	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD
Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh (tiếp theo kỳ trước)	
.....	Lm. Nguyễn Công Đoàn, SJ.
ĐỜI ĐỘC THÂN ĐƠN CHIẾC	Lm. Khát Tuệ (chuyển ngữ)
Tình Bạn	Fr. Huynhquảng
THA NHÂN LÀ HỎA NGỤC: LÀM SAO HÓA GIẢI ?	Minh Hiền
Ý niệm « sống lại » trong Thánh-Kinh Cựu Ước và trong tư tưởng Do-thái vào thời đầu Tây lịch	
kỷ nguyên	Gs. Trần Văn Toàn
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN – Vấn đề 15 - GIÁ TRỊ CỦA SỰ CẦU NGUYỆN ...	Lm. ĐAN VINH
Sách vở	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - Bài KHAI MẠC - Tinh tâm Đại Chung Viện Huế 28/10/213	
.....	Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss,
HIỂN MÁU	Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 07 đến 11	Lm. Võ Tá Khánh

Sứ Mệnh Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Hiến Chế Mục Vụ

Về Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Phản Thứ Nhất

Giáo Hội Và Thiên Chức Con Người

Chương IV

Sứ Mệnh Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay ^{44*}

40. Tương quan giữa Giáo Hội và thế giới. Tất cả những gì chúng ta đã trình bày về phẩm giá con người, về cộng đoàn nhân loại, về ý nghĩa sâu xa của hoạt động nhân loại tạo thành căn bản cho sự tương quan giữa Giáo Hội và thế giới cũng như nền tảng cho cuộc đối thoại giữa đôi bên ¹. Bởi vậy, dựa trên tất cả những gì về mầu nhiệm Giáo Hội mà Công Đồng này đã tuyên bố, trong chương này sẽ phải đề cập đến cũng chính Giáo Hội, xét như thực tại hiện diện ở thế giới này, cùng sống và cùng hoạt động với thế giới ấy.

Phát sinh từ tình yêu Chúa Cha muôn đời ², do Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ thiết lập trong thời gian, được qui tụ trong Chúa Thánh Thần ³, Giáo Hội có mục đích cứu rỗi và cánh chung. Mục đích này chỉ có thể thành tựu trọn vẹn trong thời kỳ sẽ đến. Nhưng giờ đây Giáo Hội đã hiện diện trên trái đất này rồi, được qui tụ gồm những con người là phần tử của xã hội trần gian; họ được kêu gọi để hợp thành gia đình các con cái Thiên Chúa ngay trong lịch sử nhân loại, ngõ hầu tăng trưởng luôn mãi cho tới khi Chúa đến. Hiệp nhất để nhằm đạt những của cải thiêng liêng, trở nên giàu có vì những của cải ấy, gia đình này "như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian" ⁴, được trang bị "các phương thế thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình" ⁵. Như thế, là "một đoàn thể hữu hình và là cộng đoàn thiêng liêng" ⁶, Giáo Hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần thế với thế giới; Giáo Hội như men và hồn của xã hội loài người ⁷, sẽ được đổi mới trong Chúa Kitô và biến thành gia đình của Thiên Chúa.

Thực ra, sự tương nhập giữa hai xã hội trần thế và thiên đàng chỉ có thể nhận thức được qua đức tin. Hơn nữa, đó còn là một mầu nhiệm của lịch sử nhân loại, một lịch sử bị tội lỗi xáo trộn cho đến khi vinh quang con cái Thiên Chúa được mạc khải đầy đủ. Tuy nhiên trong khi đeo đuổi mục đích cứu rỗi cá biệt của mình, Giáo Hội không phải chỉ truyền thông sự sống Thiên Chúa cho con người, nhưng còn chiếu giải ánh sáng của đời sống ấy cách nào đó trên toàn thế giới. Giáo Hội làm công việc này, trước hết bằng cách chữa trị và nâng cao phẩm giá nhân vị, củng cố cơ cấu của xã hội nhân loại và thấm nhuần cho hoạt động thường nhật của con người một chiều hướng và một ý nghĩ sâu xa hơn. Như thế, nhờ từng phần tử và tất cả cộng đoàn, Giáo Hội tin tưởng có thể đóng góp nhiều vào việc biến đổi gia đình và lịch sử loài người trở nên nhân đạo hơn.

Ngoài ra, Giáo Hội Công Giáo sẵn sàng tán thưởng những việc mà các Giáo Hội Kitô giáo hay các cộng đoàn giáo hội khác đã và còn đang thực hiện để đóng góp vào việc chu toàn cùng một bổn phận này. Đồng thời, Giáo Hội xác tín mạnh mẽ rằng thế giới có thể có nhiều cách góp phần lớn lao vào việc dọn đường cho Phúc Âm bằng tài năng và hoạt động cá nhân cũng như của xã hội. Sau đây là một vài nguyên tắc tổng quát để phát triển đúng mức mối tương quan và tương trợ trong những phạm vi mà Giáo Hội và thế giới có phần chung nhau.

41. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng cống hiến mỗi người. Con người hiện đại đang trên đường phát triển trọn vẹn nhân cách của mình và càng ngày càng xác định quyền lợi của mình rõ rệt hơn. Được trao phó nhiệm vụ tỏ bày mầu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng làm cùng đích của con người, Giáo Hội cũng đồng thời tỏ cho con người biết ý nghĩa của cuộc đời con người, tức là sự thật thâm sâu về con người. Giáo Hội biết chắc rằng chỉ có Thiên Chúa mà Giáo Hội phụng sự mới đáp ứng được các ước vọng sâu xa nhất của lòng người. Lòng người không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với những của ăn trần thế. Giáo Hội cũng biết rằng con người được Thánh Thần Chúa không ngừng thúc đẩy, sẽ không bao giờ hoàn toàn lãnh đạm trước vấn đề tôn giáo, như kinh nghiệm quá khứ và nhiều chứng tích của thời đại chúng ta minh chứng. Thực vậy, con người luôn khao khát muốn biết, ít là một cách mơ hồ, cuộc sống, hoạt động và cái chết của mình có ý nghĩa gì. Chính sự hiện diện của Giáo

Hội nhắc nhở cho con người nhớ đến những vấn đề ấy. Chỉ có Thiên Chúa là Đấng tạo dựng con người giống hình ảnh Ngài và cứu thoát con người khỏi tội lỗi, mới giải đáp đầy đủ các vấn đề ấy. Ngài giải đáp bằng cách mạc khải trong Con của Ngài là Chúa Kitô, Đấng đã hóa thân làm người. Ai theo Chúa Kitô, Con Người hoàn hảo, kẻ ấy sẽ được trở nên người hơn.

Dựa trên đức tin ấy Giáo Hội có thể cứu gỡ phẩm giá của bản tính con người khỏi mọi trào lưu tư tưởng di động không ngừng giữa sự khinh dể và tôn sùng thái quá đối với thân xác con người. Không một luật lệ nào có thể đảm bảo phẩm vị và tự do con người cách thích đáng bằng Phúc Âm Chúa Kitô, đã được trao phó cho Giáo Hội. Thực vậy, Phúc Âm loan báo và công bố sự tự do của con cái Thiên Chúa, phủ nhận mọi hình thức nô lệ vì mọi ách nô lệ rốt cuộc đều bởi tội lỗi mà ra ⁸. Phúc Âm tôn trọng triệt để phẩm giá và quyết định tự do của lương tâm, lại không ngừng nhắc nhở phát huy mọi tài năng để phụng sự Thiên Chúa và mưu ích cho mọi người. Sau hết, Phúc Âm còn dạy mọi người phải thương yêu nhau ⁹. Những điều đó phù hợp với luật căn bản trong nhiệm cuộc cứu rỗi của Kitô giáo. Vì, tuy Thiên Chúa vừa là Đấng Cứu Độ, vừa là Đấng Tạo Dựng, vừa làm Chủ lịch sử nhân loại, vừa làm Chủ lịch sử cứu rỗi, nhưng trong chính chương trình của Thiên Chúa, sự tự trị đúng mức của tạo vật và nhất là của con người không hề bị hủy diệt, trái lại còn được phục hồi và củng cố trong phẩm giá riêng.

Vậy, Giáo Hội dựa vào Phúc Âm đã được ủy thác cho mình mà công bố những quyền lợi của con người, nhìn nhận và tôn trọng năng động của thời hiện đại hiện đang cổ võ những quyền lợi ấy khắp nơi. Tuy nhiên, những trào lưu đó phải được thẩm nhuần tinh thần Phúc Âm và phải được bảo vệ cho khỏi nhiễm mọi hình thức tự trị sai lầm. Thực vậy, chúng ta dễ bị cám dỗ nghĩ rằng các quyền lợi của chúng ta chỉ được duy trì trọn vẹn khi trút bỏ mọi Luật Lệ của Thiên Chúa. Nhưng thực ra, đó là đường lối làm cho phẩm giá con người chẳng những không được duy trì mà còn bị tiêu tan đi. ^{45*}

42. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng mang đến cho xã hội nhân loại. Sự thống nhất gia đình nhân loại được củng cố và bổ túc ^{46*} nhiều nhờ sự hiệp nhất của gia đình con cái Chúa đã được thiết lập trong Chúa Kitô ¹⁰.

Sứ mệnh riêng biệt mà Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội Người không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế hay xã hội: mục đích Người đã ấn định cho Giáo Hội thuộc phạm vi tôn giáo ¹¹. Nhưng, bởi chính sứ mệnh tôn giáo ấy, phát sinh bốn phận, ánh sáng và những sức mạnh có thể giúp thiết lập và củng cố cộng đoàn nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa; cũng thế, khi có nơi nào cần, chính Giáo Hội có thể và hơn nữa, phải phát động, tùy theo hoàn cảnh thời gian và nơi chốn, những công cuộc nhằm phục vụ mọi người, nhất là những người cùng khổ, thí dụ như các công cuộc từ thiện hoặc những tổ chức khác tương tự.

Giáo Hội còn nhìn nhận tất cả những gì tốt đẹp trong năng động xã hội hiện tại: nhất là sự tiến tới hiệp nhất, tiến trình xã hội hóa lành mạnh và sự liên đới trong phạm vi công quyền và kinh tế. Thực vậy, việc cổ võ hiệp nhất phù hợp với sứ mệnh sâu xa của Giáo Hội, vì chính Giáo Hội ở "trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại" ¹². Như thế, chính Giáo Hội bày tỏ cho thế giới biết rằng sự hiệp nhất bên ngoài trong phạm vi xã hội bắt nguồn từ sự hiệp nhất tâm trí, nghĩa là từ đức tin và đức mến, căn bản hiệp nhất bất khả phân ly của Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Sinh lực mà Giáo Hội có thể chuyển thông cho xã hội nhân loại ngày nay là đức tin và đức mến ấy, được thể hiện trong cuộc sống, chứ không phải do thể lực bên ngoài nào dựa vào những phương thế hoàn toàn nhân loại.

Hơn nữa, bởi sứ mệnh và bản chất, Giáo Hội không cấu kết với một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, hoặc một chế độ chính trị, kinh tế hay xã hội nào. Nhờ tính cách phổ quát ấy, Giáo Hội có thể là một mối dây liên kết hết sức chặt chẽ giữa các cộng đoàn nhân loại và các quốc gia khác nhau, miễn là các quốc gia và cộng đoàn nhân loại ấy tin tưởng vào Giáo Hội và thực sự nhìn nhận Giáo Hội có quyền tự do đích thực để chu toàn sứ mệnh mình. Vì vậy, Giáo Hội khuyến cáo các con cái mình và hết mọi người: hãy vượt qua mọi

tranh chấp giữa các quốc gia, chủng tộc trong tinh thần gia đình con cái Thiên Chúa và củng cố các hiệp hội nhân loại chính đáng.

Công Đồng quý trọng ngưỡng mộ tất cả những gì chân thật, tốt lành và chính đáng trong các tổ chức rất khác biệt mà nhân loại đã và còn đang không ngừng thành lập cho mình. Công Đồng cũng tuyên bố rằng: Giáo Hội muốn trợ giúp và cổ vũ mọi tổ chức ấy trong những gì liên hệ và khả dĩ phù hợp với sứ mệnh của Giáo Hội. Giáo Hội không ao ước gì hơn là được tự do phát triển dưới mọi chế độ để phục vụ lợi ích mọi người, miễn là các chế độ này nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người, của gia đình và những đòi hỏi của công ích.

43. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng nhờ các Kitô hữu mang đến cho hoạt động nhân loại ⁴⁷. Công Đồng khuyến khích các Kitô hữu, công dân của cả hai đô thị, hãy nỗ lực chu toàn cách trung thành những bổn phận trần thế của họ và chu toàn dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm. Thực sai lầm cho những ai đang khi biết rằng chúng ta không có một quê hương trường tồn ở trần thế và đang phải kiếm tìm một quê hương hậu lai để rồi vì đó tưởng rằng mình có thể xao lãng các bổn phận trần gian ¹³, như thế là không nhận thấy chính đức tin buộc phải chu toàn các bổn phận đó hoàn hảo hơn, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình ¹⁴. Ngược lại, cũng sai lầm không kém đối với những ai nghĩ rằng có thể dấn thân hoàn toàn vào công việc trần thế như thể các công việc ấy hoàn toàn xa lạ với đời sống tôn giáo, vì cho rằng đời sống tôn giáo chỉ còn hệ tại những hành vi phượng tự và một vài bổn phận luân lý phải chu toàn. Sự phân ly giữa đức tin mà họ tuyên xưng và cuộc sống thường nhật của nhiều người phải kể vào số những sai lầm trầm trọng nhất của thời đại chúng ta. Và gương mù này ngay trong Cựu Ước các Tiên Tri đã mạnh mẽ tố cáo ¹⁵ và trong Tân Ước chính Chúa Giêsu Kitô còn ngăm đe nhiều hơn nữa bằng những hình phạt nặng nề ¹⁶. Vậy, không được đem sinh hoạt nghề nghiệp và xã hội mà đối nghịch cách giả tạo với đời sống tôn giáo. Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa. Theo gương Chúa Giêsu đã sống như một người thợ, các Kitô hữu hãy vui mừng vì có thể thi hành mọi hoạt động trần thế mà đồng thời có thể liên kết trong một tổng hợp sống động duy nhất, các cố gắng nhân loại, gia đình, nghề nghiệp, khoa học hay kỹ thuật với các giá trị tôn giáo. Dưới sự điều hướng tối cao của các giá trị tôn giáo này, mọi sự được qui hướng về vinh danh Thiên Chúa.

Những phận vụ và sinh hoạt trần thế thuộc lãnh vực riêng của giáo dân, tuy không độc quyền thuộc về họ. Vì vậy, khi hoạt động, cá nhân hay đoàn thể, với tư cách công dân trần thế, không những họ phải tôn trọng các luật lệ riêng của mỗi ngành nhưng còn phải ra sức tự luyện khả năng chuyên môn thực sự trong các lãnh vực ấy. Họ sẽ sẵn lòng hợp tác với những người cùng theo đuổi những mục đích chung. Nhìn nhận các đòi hỏi và hưởng nhờ sức mạnh của đức tin, khi cần, họ sẽ không do dự đề nghị và thực hiện những sáng kiến mới. Một khi được đào luyện cách thích hợp, lương tâm họ phải đem luật Chúa thấm nhập cuộc sống của xã hội trần gian. Giáo dân hãy mong đợi ánh sáng và sức mạnh tinh thần nơi các linh mục. Tuy nhiên, họ đừng vì thế mà nghĩ rằng: các chủ chăn có đủ thẩm quyền chuyên môn để có thể có ngay một giải pháp cụ thể cho mọi vấn đề xảy ra, kể cả những vấn đề quan trọng. Cũng đừng làm tưởng các chủ chăn vốn có sứ mạng ấy. Nhưng tốt hơn là chính họ, được đức khôn ngoan Kitô giáo soi dẫn và cẩn thận chú ý các giáo huấn của Giáo Hội ¹⁷, hãy nhận lấy trách nhiệm của mình.

Thường thì chính vũ trụ quan Kitô giáo sẽ hướng dẫn họ chọn một giải pháp nhất định nào đó tùy hoàn cảnh. Tuy nhiên, cũng có những tín hữu khác, dầu khá thực tâm, sẽ thẩm định cách khác về cùng một vấn đề, như thường thấy xảy ra; và sự thẩm định đó vẫn được coi là hợp lý như thường. Nhiều người dễ dàng gán ghép với sứ điệp Phúc Âm những giải pháp mà họ đề ra, mặc dầu nhiều khi ngoài ý muốn của họ. Nhưng nên nhớ trong các trường hợp trên, không ai được độc quyền giành lấy thẩm quyền của Giáo Hội để biện minh cho lập trường riêng ⁴⁸. Phải luôn luôn nỗ lực soi dẫn nhau bằng đối thoại thành thực, bảo toàn tình tương ái và trước hết mưu cầu công ích.

Người giáo dân có những phận vụ tích cực phải chu toàn trong toàn thể đời sống Giáo Hội. Không những họ phải đem tinh thần Kitô giáo thấm nhuần thế giới nhưng còn được kêu gọi làm chứng cho Chúa Kitô trong mọi hoàn cảnh, ngay giữa lòng cộng đoàn nhân loại.

Còn các Giám Mục đã được ủy thác việc điều hành Giáo Hội Chúa hãy cùng các linh mục của mình rao giảng sứ điệp của Chúa Kitô, sao cho mọi hoạt động trần thế của các tín hữu thấm nhuần ánh sáng Phúc Âm. Hơn nữa, tất cả các chủ chăn hãy nhớ rằng các Ngài sẽ biểu lộ cho thế giới một khuôn mặt của Giáo Hội qua thái độ và ưu tư hằng ngày của mình ¹⁸. Qua khuôn mặt ấy, người ta phán đoán về sức mạnh và chân lý của sứ điệp Kitô giáo. Bằng đời sống và lời giảng, hợp cùng các tu sĩ và giáo hữu của mình, các ngài hãy minh chứng rằng Giáo Hội, nguyên bằng sự hiện diện và kho tàng ân huệ của mình, đã là nguồn vô tận của những mãnh lực mà thế giới ngày nay rất cần. Các Ngài hãy trau dồi khả năng bằng cách chuyên cần học hỏi sao cho có thể đóng trọn vai trò trách nhiệm của mình trong khi đối thoại với thế giới và những người thuộc bất cứ lập trường nào. Nhưng, trước hết xin các ngài hãy ghi lòng những lời sau đây của Công Đồng: "Ngày nay, vì nhân loại ngày càng hiệp nhất về dân sự, kinh tế và xã hội, nên các Linh Mục càng phải loại trừ mọi mầm mống chia rẽ, phải nối kết cố gắng và khả năng mình dưới sự hướng dẫn của các Giám Mục và Giáo Hoàng, để toàn thể nhân loại hiệp nhất trong gia đình Thiên Chúa" ¹⁹.

Mặc dù Giáo Hội, với sức mạnh của Chúa Thánh Thần, vẫn là hiện thân trung tín của Chúa mình và không ngừng là dấu chỉ ơn cứu rỗi trong thế giới, tuy nhiên Giáo Hội biết rõ rằng trải qua bao nhiêu thế kỷ vẫn không thiếu những phần tử trong Giáo Hội ²⁰, giáo dân hoặc giáo sĩ, sống bất trung cùng Thánh Thần Chúa. Ngay trong thời đại chúng ta, Giáo Hội không quên sự cách biệt lớn lao giữa sứ điệp do Giáo Hội công bố và sự yếu đuối nhân loại của những người được giao phó rao giảng Phúc Âm. Dẫu lịch sử có phê phán thế nào về những khiếm khuyết ấy, chúng ta cũng phải ý thức và mạnh mẽ khử trừ những thiếu sót để khỏi phương hại đến việc rao giảng Phúc Âm. Cũng vậy, trong việc mở rộng tương quan với thế giới, Giáo Hội biết mình phải luôn trưởng thành nhờ kinh nghiệm qua các thế kỷ, Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Mẹ Giáo Hội không ngừng "khuyến giục con cái thanh tủy và canh tân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo Hội" ²¹.

44. Sự trợ giúp mà Giáo Hội nhận được nơi thế giới ngày nay ^{49*}. Cũng như thế giới cần phải nhìn nhận Giáo Hội như một thực thể xã hội lịch sử và như men của lịch sử, Giáo Hội cũng biết mình đã nhận được rất nhiều nơi lịch sử và sự tiến hóa của nhân loại.

Kinh nghiệm của những thế kỷ đã qua, tiến bộ của khoa học, các kho tàng hàm chứa trong những hình thức văn hóa nhân loại khác nhau, biểu lộ đầy đủ hơn bản tính của chính con người và mở ra những con đường mới dẫn đến chân lý: tất cả những điều ấy đều hữu ích cho Giáo Hội. Thực vậy, chính Giáo Hội ngay từ buổi đầu của lịch sử mình đã ra sức diễn tả sứ điệp của Chúa Kitô bằng những ý niệm và ngôn ngữ của nhiều dân tộc. Hơn nữa, Giáo Hội còn cố gắng dùng sự khôn ngoan của các triết gia để làm sáng tỏ sứ điệp ấy. Làm như thế, nhằm thích nghi Phúc Âm, trong mức độ có thể, với tầm hiểu biết của mọi người cũng như với những đòi hỏi của các nhà hiền triết. Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo, bởi vì có như vậy mới khơi dậy trong mọi quốc gia khả năng diễn tả sứ điệp Chúa Kitô theo lối riêng của mình và đồng thời mới cổ võ được sự trao đổi linh động giữa Giáo Hội và những nền văn hóa khác nhau của các dân tộc ²². Để xúc tiến những cuộc trao đổi như thế, nhất là trong thời đại chúng ta, thời mà sự vật biến đổi rất nhanh và lối suy tư rất nhiều khác biệt, Giáo Hội đặc biệt cần đến sự đóng góp của những người sống trong thế giới và biết rõ các tổ chức và bộ môn khác nhau, cũng như thấu triệt tinh thần các tổ chức và bộ môn đó, dẫu họ có đức tin hay không. Bổn phận của toàn thể Dân Chúa, đặc biệt của các chủ chăn và các nhà thần học là nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, đón nghe, phân biệt và giải thích các tiếng nói của thời đại, rồi phán đoán dưới ánh sáng lời Chúa để Chân Lý mạc khải luôn được thấu triệt, được hiểu rõ và trình bày cách thích hợp hơn.

Giáo Hội có một cơ cấu xã hội hữu hình, dấu hiệu của sự hiệp nhất trong Chúa Kitô, nên Giáo Hội cũng có thể được giàu có thêm và thực sự đang được giàu có thêm nhờ sự tiến hóa của cuộc sống xã hội nhân loại, không phải vì định chế do Chúa Kitô ban cho Giáo Hội như thiếu một điều gì, nhưng là để định chế đó được hiểu biết sâu xa hơn, được diễn tả trung thực hơn và được thích nghi hoàn hảo hơn với thời đại chúng ta. Với lòng biết ơn, Giáo Hội nhận thấy rằng Giáo Hội đã được nhiều người thuộc mọi giai cấp và hoàn cảnh giúp đỡ nhiều cách cho chính cộng đoàn cũng như cho từng con cái mình. Quả thực, tất cả những ai phát triển cộng đoàn nhân loại trong phạm vi gia đình, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị và trên bình diện quốc gia, cũng như quốc tế, đều trợ giúp không ít cho cộng đoàn Giáo Hội, theo như ý định của Thiên Chúa, trong mức độ Giáo Hội lệ thuộc những yếu tố bên ngoài. Hơn nữa, Giáo Hội còn nhìn nhận rằng chính sự chống đối của những kẻ công kích hay bách hại Giáo Hội đã và còn đang có thể giúp ích cho Giáo Hội [23](#).

45. Chúa Kitô, Alpha và Omega. Khi trao đổi với thế giới những sự giúp đỡ hỗ tương, Giáo Hội nhằm một mục đích duy nhất là: làm cho Nước Chúa trị đến và toàn thể nhân loại được cứu rỗi. Mọi lợi ích mà Dân Chúa trong thời gian hành trình tại thế có thể đem lại cho gia đình nhân loại đều phát xuất từ sự kiện này: Giáo Hội là "bí tích phổ quát cứu rỗi" [24](#), tỏ bày và đồng thời thực hiện mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa đối với con người.

Quả thực, Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người, là Con Người hoàn hảo, Người cứu rỗi mọi người và kết thân vạn vật nơi Người. Chúa là cùng đích của lịch sử nhân loại, là điểm qui tụ mọi ước vọng của lịch sử và văn minh, là trung tâm của nhân loại, là niềm vui của tâm hồn và đáp ứng mọi niềm khao khát [25](#). Chính Người là Đấng Chúa Cha đã phục sinh từ kẻ chết, đã tôn vinh và cho ngự bên hữu, đặt làm thẩm phán kẻ sống và kẻ chết. Được sống động và tụ họp trong Thánh Thần Ngài, chúng ta đang hành trình hướng về chung cục lịch sử nhân loại, phù hợp với ý định yêu thương của Ngài: "kết thân tất cả trong Chúa Kitô: mọi sự trên trời dưới đất" (Eph 1,10).

Chính Chúa đã nói: "Vậy tiền công của ta sẵn đây rồi, này ta đến gấp mà trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm. Ta là Alpha và Omega, thứ nhất và sau chót, nguyên thủy và cứu cánh" (Kh 22,12-13) [50*](#).

Chú Thích:

44* Trong chương này Công Đồng muốn trình bày vai trò của Giáo Hội ở giữa thế giới (40a): Trước hết, nhắc lại khởi nguyên của Giáo Hội, mục đích, phần tử (40b), sứ mệnh siêu nhiên cũng như tự nhiên (40c), và sự cộng tác cần thiết của mọi người (40d).

1) Vai trò đối với từng cá nhân (tương ứng với chương I trên đây): Giáo Hội soi sáng ý nghĩa ước ao của con người (41a), Giáo Hội cũng bảo vệ nhân phẩm đích thực (tìm thấy ở giữa một số cực đoan) (41b) và công nhận nhân quyền rồi đem tinh thần Phúc Âm vào việc cổ võ quyền lợi ấy (41c).

2) Đối với xã hội (tương ứng với chương II): Giáo Hội giúp đỡ nhân loại hiệp nhất chặt chẽ hơn (42a) và đem tinh thần mới nhập vào cơ cấu xã hội. Hoạt động xã hội của Giáo Hội như vậy là hợp lý (42b,c,d).

3) Đối với sinh hoạt xã hội (tương ứng với chương III): Đức tin đòi phải chu toàn nhiệm vụ sinh hoạt xã hội (43a). Đó là phận vụ riêng biệt của giáo dân đã được đào tạo và có trách nhiệm (43b). Họ phải cộng tác với người khác và lo cho ích chung (43c), trong khi đem tinh thần Kitô giáo và sinh hoạt đó (43d). Phần giáo sĩ, các ngài phải soi sáng giáo dân và phải làm gương về các đức tính xã hội (43e). Là dấu chứng về sự cứu độ, Giáo Hội phải luôn luôn nỗ lực để tự tinh luyện (43f).

4) Thế giới cũng giúp đỡ Giáo Hội: Khi Giáo Hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh khác nhau và tìm cách rao giảng Phúc Âm một cách thích nghi, thì chính Giáo Hội trở nên phong phú hơn (44a,b). Đàng khác mọi tiến bộ nhân loại cũng giúp ích cho Giáo Hội (44c).

5) Giáo Hội phục vụ thế giới khi làm tròn sứ mệnh riêng là mở rộng nước Thiên Chúa (44a) và rao giảng về Chúa Kitô, Đấng đã sáng lập mọi sự đồng thời là trung tâm điểm, là cùng đích của mọi sự (44b,c).

1 Xem Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, III: AAS 56 (1964), trg 637-659.

2 Xem Tit 3,4: "Philanthropia".

3 Xem Eph 1,3; 13-14; 23. (

4 Xem Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 12.

5 N.v.t., ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 14; - x. số 8: AAS, n.v.t., trg 11.

6 N.v.t., ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 11.

7 Xem n.v.t., ch. IV, 38: AAS 57 (1965), trg 43 và ghi chú 120.

8 Xem Rm 8,14-17.

9 Xem Mt 22,39.

45* Đối với con người hiện nay, con người giàu có với mọi hình thức nhân bản, với tất cả những tiến bộ khoa học và xã hội, Giáo Hội có thể đem đến lợi ích gì? Giáo Hội đem lại ánh sáng chính yếu để con người tự biết mình và bảo vệ nhân phẩm. Nếu không biết Thiên Chúa, con người làm sao hiểu biết sự thật thâm sâu về mình được. Không biết mình, con người không thể nào trả lời cho những vấn nạn căn bản về ý nghĩa cuộc sống, sinh hoạt và sự chết. Không biết Chúa Kitô là con người hoàn hảo, con người không thể nào trở nên đầy đủ (41a). Khi nào tự biết mình và phẩm giá đích thực của mình, con người mới có thể lên tiếng đòi cho mình các quyền lợi nhân bản một cách đầy đủ và hợp lý cũng như xứng hợp với đức tin.

46* Công Đồng đã nhắc lại sự thống nhất của nhân loại (số 29) có nền tảng tự nhiên là sự thống nhất sinh vật, sự thống nhất về bản tính và do đó về các quyền lợi căn bản. Và lại bản tính xã hội sẽ thúc đẩy con người hiệp nhất một ngày một hơn (số 6,25). Mặt khác sự thống nhất của nhân loại cũng có nền tảng siêu nhiên, vì, như đức tin dạy, tất cả mọi người được Thiên Chúa dựng nên và có cùng một cứu cánh là chính Thiên Chúa. Tất cả đã được Chúa Kitô cứu chuộc, tất cả đã được mời gọi để trở nên con cái Thiên Chúa và anh em với nhau. Luật mới của những con người mới ấy là luật thương yêu lẫn nhau.

Vì là một thân thể, một dân tộc duy nhất, Giáo Hội giúp đỡ nhân loại thực hiện lý tưởng thống nhất. Vì là bí tích, tức là dấu chứng và dụng cụ để giúp đỡ nhân loại kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và hiệp nhất với nhau (42c), Giáo Hội góp phần lớn lao để thống nhất loài người. Đó chính là sứ mệnh của Giáo Hội vậy (số 92a).

10 Xem CĐ. Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 12-14.

11 Xem Piô XII, Allocutio ad Cultores historiae et artis, 9-3-1956: AAS 48 (1956), trg 212: "Trong phạm vi văn hóa, vị Sáng Lập thần linh của Giáo Hội là Chúa Kitô không ban cho Giáo Hội một sứ mệnh nào cũng không ấn định một mục đích nào. Mục đích mà Chúa Kitô nhằm là thuần túy tôn giáo (...) Giáo Hội phải dẫn dắt mọi người đến với Chúa để họ phó thác cho Ngài mà không đắn đo (...) Giáo Hội không khi nào có thể để mục đích thuần túy tôn giáo, siêu nhiên này lọt ra ngoài tầm nhãn giới của mình. Ý nghĩa a mọi hoạt động của Giáo Hội cả đến tận khoản cuối cùng của Bộ Giáo Luật chỉ qui về mục đích đó cách trực tiếp hay gián tiếp".

12 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I, số 1: AAS 57 (1965), trg 5.

47* Sống trong thế gian tín hữu phải tránh hai thái độ sai lầm: 1) bỏ sót công việc trần thế để chỉ lo cho việc đạo đức; 2) chìm đắm trong công việc trần thế và coi công việc này như không có liên quan gì đến việc đạo đức.

Qua cả hai sự sai lầm trên, người ta tách biệt đời sống tôn giáo và đời sống nghề nghiệp hay đời sống trần thế nếu nói rộng hơn (cuộc giải trí, văn hóa...) và lại hành động theo luân lý cá nhân (số 30).

Đức tin phải ảnh hưởng trên cả đời sống và ta phải đem tinh thần Phúc Âm vào công việc trần thế: vào nghề nghiệp, vào giao thiệp với người khác, vào văn hóa, vào cuộc giải trí v.v... "Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với những người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa": vì bổn phận trần thế là phương tiện để thực hành đức mến đối với anh em và đối với Thiên Chúa. Không thực hành đức mến tức là phạm đến toàn thể bộ luật (x. Gal 5,14). Cho nên kẻ nào xao lãng bổn phận trần thế hay là tách rời nó khỏi ảnh hưởng của tinh thần Phúc Âm tức là người không sống đạo, họ không phải là người công giáo.

13 Xem Dth 13,14.

14 Xem 2Th 3,6-13; Eph 4,28.

15 Xem Is 58,1-12.

16 Xem Mt 23,3-33; Mc 7,10-13.

17 Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra, IV: AAS 53 (1961), trg 456-457 và I :n.v.t., trg 407, 410-411.

48* "3) Sau khi nhắc lại những nguyên tắc tổng quát trên đây, Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam chiếu theo những sự kiện lịch sử, chính trị, xã hội, tôn giáo hiện tại trong nước, đồng thanh xác định như sau: a) Không cho phép một đảng phái nào lấy tên là "Công Giáo" hay là "Thiên Chúa Giáo", để rồi đảng ấy có thể xuất hiện như là đảng phái của Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. b) Kêu mời giáo dân Công Giáo phải ý thức rằng: sức mạnh của họ trước hết phải ở trong tinh thần Chúa Giêsu - tức là tinh thần Phúc Âm được mọi người sống động và chiếu dọi chung quanh, như đã trình bày trong những đoạn nói trên. c) Tuy nhiên để áp dụng nguyên tắc số 2 ở trên, hết mọi người Công Giáo - với tư cách là người công dân - đều có thể tự do ghi tên để gia nhập đảng này hay đảng khác tùy ý, bất cứ là đảng ấy đã thành lập rồi, hay sẽ được những công dân đầy đủ khả năng, can đảm thành lập về sau.

Ghi tên vào một đảng phái như thế, đồng bào Công Giáo không cam kết Giáo Hội, nhưng chỉ cam kết cá nhân mình...

Đồng bào Công Giáo hoạt động trong đảng phái mình đã lựa chọn, tuy nhiên cả trong hoạt động chính trị (cũng như đời sống cá nhân, gia đình, nghề nghiệp) họ phải là một nhân chứng của Chúa Kitô. Họ phải tìm cách để in sâu vào trong các tâm hồn những luật lệ, những qui chế, tinh thần Phúc Âm và học thuyết xã hội của Hội Thánh.

1) Hiện nay không có một tờ báo Công Giáo nào, hay là một tờ báo có xu hướng Công Giáo nào đã được Hàng Giáo Phẩm chỉ định để làm tiếng nói chính thức cho Công Giáo...

2) Có những báo chí đã được thành lập do một số giáo dân Công Giáo nhiệt thành, quảng đại; đó là quyền lợi riêng của họ và chúng tôi thêm rằng: đó là nghĩa vụ của họ. Chúng tôi để lời khen ngợi họ đã có sáng kiến tốt đẹp như thế, và chúng tôi hết sức khuyên họ hãy tiếp tục bền vững".

(Thư luân lưu của H.Đ.G.M.V.N., ngày 22 tháng 1 năm 1964, x. trong báo Sacerdos, số 27, tháng 3 năm 1964, (trg 170-171; 172-173).

18 Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. III, số 28: AAS 57 (1965), trg 34-35

19 N.t., số 28: AAS, n.v.t., trg 35-36.

20 Xem T. Ambrosiô, De Virginitate, ch. VIII, số 48: PL 16, 278.

21 CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 15: AAS 57 (1965), trg 20.

49* Từ xưa tới nay, thế giới cũng đem lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội. Quả quyết như vậy là xác nhận một sự kiện lịch sử, nhưng có lẽ chỉ gần đây tín hữu mới ý thức về sự kiện ấy. Giáo Hội lãnh nhận nhiều:

1) Trong lãnh vực tư tưởng nhờ các kho tàng của nhiều nền văn minh khác nhau. Tất cả những gì giúp ta hiểu biết hơn về con người và thế giới đều giúp đỡ Giáo Hội: giáo dục, văn hóa, khoa học...

2) Trong lãnh vực cơ cấu xã hội: từ đầu, Giáo Hội đã chịu ảnh hưởng của nếp sống Do Thái, của pháp lý La Mã và Đức Quốc, và ít hay nhiều của phong tục các dân tộc khác nữa. Pháp lý các xứ truyền giáo đã ảnh hưởng rất nhiều đến pháp lý chung của Giáo Hội chẳng hạn. Hiện nay ta thấy ảnh hưởng của chế độ dân chủ qua những phong trào phân quyền, nhiều cơ quan mới như Thượng Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Linh Mục, v.v...

3) Trong lãnh vực sinh hoạt: khi các Quốc Gia và các Tổ Chức quốc tế kính trọng sự tự do của Giáo Hội, mời Giáo Hội cộng tác, giúp Giáo Hội hoạt động, hay là mặc dầu không muốn nhờ Giáo Hội, nhưng khi các Tổ Chức ấy cố gắng nâng cao con người nhờ việc giáo dục, nhờ việc bảo đảm nhân quyền, v.v... thực ra họ đã làm những công việc có chung mục đích với Giáo Hội.

Là người Việt Nam hay làm việc ở Việt Nam, ta phải nhấn mạnh câu "Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo". Sau hơn ba thế kỷ từ khi Phúc Âm tới Việt Nam, phải chăng Đạo chúng ta còn thấm nhuần màu sắc ngoại quốc quá đáng? Người ngoại giáo có cảm tưởng đó không?

22 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II số 13: AAS (1965), trg 17.

23 Xem Justinô, Dialogus cum Tryphone, ch. 110: PG 6, 729, x.b. Otto, 1897, trg 391-393: ... "nhưng chúng ta càng chịu nhiều khổ nhục ấy, lại càng có nhiều người trở thành tín hữu và đạo đức nhờ danh Chúa Giêsu". - Xem Tertullianô, Apologeticus, ch. L, 13: PL I, 534; Corpus Christ., ser. Lat. I, trg 171: "càng bị các người gạt (bách hại) chúng tôi càng trở nên đông đúc hơn: máu tử đạo là hạt giống nảy sinh Kitô hữu!" - X. Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II số 9: AAS 57 (1965), trg 14.

24 Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. VII, số 48: AAS 57 (1965), trg 53.

25 Xem Phaolô VI, Huấn từ 3-2-1965: L'Osservatore Romano, 4-2-1965.

50* Alpha và Omega là chữ đầu và chữ cuối của mẫu tự Hy Lạp. Câu nói có nghĩa là khi dùng các chữ trong mẫu tự, ta có thể viết ra tất cả những gì ta muốn. Vậy thì, nói về Chúa (cũng như về Thiên Chúa Cha: Kh 1,8) có nghĩa là Chúa có toàn quyền để phán xét nhân loại.

VỀ MỤC LỤC

SỰ SỐNG LẠI VÀ VƯƠNG QUỐC THIÊN CHÚA

CHÚA NHẬT XXXII THƯỜNG NIÊN C

(2Mcb 7:1-2, 9-14; 2Tx 2:16-3:5; Lc 20:27-38/20:27-34-38)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD



Niềm Tin Kito giáo về việc xác loài người ngày sau sống lại đã gặp hiểu lầm và chống đối ngay từ những ngày đầu. Chuyện sống lại là vấn đề sinh tử không riêng gì đối với niềm tin Kito giáo mà còn đối với tất cả mọi người từng suy tư về sự sống và sự chết.

THIỆU TINH THẦN HỌC HỎI

Trong bài Tin Mừng hôm nay (Lc 20:27-38), chúng ta gặp người Sa-Đốc là một phe nhóm nằm trong Do Thái Giáo. Họ thuộc lớp người tư tế; phần lớn là những tay giàu có, bảo thủ, theo học thuyết Aristotle duy vật. Kinh Thánh của họ chỉ gồm những sách của Maisen. Đối với họ, không một giảng huấn nào có giá trị nếu không thấy trong Pentateuch và họ cũng không thấy có giáo lý nào nói về sự sống lại trong các sách của Maisen.

Những nhà lãnh đạo tôn giáo ở Jerusalem và những đại diện của họ đều chủ tâm hợp tác với người La Mã để kết tội chúa Giesu và làm mất uy tín của Người. Giọng điệu của họ là hoạnh hợ, bắt bẻ, làm rối loạn và đẩy Chúa Giesu vào trường phái tư duy với chủ đích chia rẽ những khán thính giả của Chúa. Họ là những người thiếu tinh thần học hỏi và sưu tầm. Họ đơn giản chỉ muốn chọc tức, gài bẫy chúa Giesu bằng những câu hỏi cổ điển mà họ đã có sẵn trong đầu từ lâu rồi là *“Không có chuyện xác người ta sống lại sau khi chết”* (c.27; Cv 23:8).

TIN XÁC LOÀI NGƯỜI NGÀY SAU SỐNG LẠI

Trái lại, những người biệt phái và những người cùng thời với Chúa đều đã hy vọng sẽ sống lại. Họ không chỉ là những tiên tri, không chỉ dựa vào những bản văn trong kinh thánh mà còn tin vào cả những lời truyền khẩu từ Maisen. Căn bản của niềm tin của họ về sự sống lại là những lời truyền khẩu đó. Đề tài này được hâm nóng tranh luận giữa hai phe Biệt Phái và Sa-Đốc là một sự kiện mà Phaolo đã dùng để gây phân tán, làm náo loạn trong Thượng Hội Đồng Do Thái lúc đương xét xử ngài để ngài thoát chết. (Cv 23:6-10)

Những người Sa Đốc không tin có sự sống lại. Câu hỏi của họ trong bài Phúc Âm hôm nay dựa trên hôn phối luật Levi được chép trong sách Thứ Luật 25: 5-10, nói rõ bổn phận của người em đối với người anh đã chết. Đám người Sa-Đốc đã kỳ cục hóa tư tưởng về sự sống lại. Chúa Giesu đã phản kháng sự hiểu biết sơ đẳng và ấu trĩ của họ (c 35-36), đồng thời đưa ra biện chứng dựa trên sự sống lại của những người chết theo như luật có ghi chép đàng hoàng (c 37-38) mà những người Sa-Đốc đã chấp nhận.

Câu trả lời của chúa Giesu gồm 2 phần. Phần đầu (c 34-36) đã lột tẩy câu hỏi không thích hợp đó, bởi lẽ đời sống ở trần thế khác với đời sống mai sau khi người ta đã chết. Ở trần gian, hôn phối và cuộc sống là chính nhưng tử thần đã kết thúc nó rồi. Tuy nhiên, ở đời sau không có sự chết, và những người sống lại thì giống như những thiên thần, họ là con Thiên Chúa thì làm gì có chuyện vợ chồng nữa. Trong phần trả lời sau, chúa Giesu dựa vào chính Kinh Thánh của

người Sa-Đốc là sách Maisen (c 37-40) qua sách xuất hành 3: 6, *Thiên Chúa là Thiên Chúa của kẻ sống, không phải của kẻ chết.*

Cả hai phần trả lời của chúa Giesu tạo thành một biện chứng dựa vào lý trí (nghĩa là điều kiện của đời sống trần gian không thể làm bằng có cho điều kiện của đời sống mai sau) và Kinh Thánh (Xh 3:6) để xác quyết rằng người chết sống lại. Dựa vào niềm tin này, chúa Giesu đã đồng ý với phe Biệt Phái. Biện chứng này phải đặt trên sự phục sinh khả hoàn của chúa Giesu, không phải trên giáo lý về sự sống lại theo nghĩa chung có tính tổng quát.

LÀM QUEN VÀ THỰC SỰ HIỂU BIẾT

Vào thời chúa Giesu, những người biệt phái Pharisieu và người Sa-Đốc quen biết chúa Giesu rất hời hợt; họ đã học hỏi giáo huấn của Người và biết nhiều chi tiết về người, nhưng họ không biết Người đúng nghĩa Người là Sự Thật. Các thành viên của phe họ cũng biết Người, nhưng chỉ bề ngoài. Họ biết nhiều điều về Người nhưng không thực sự biết về Người.

Về một phương diện khác, 12 tông đồ, ít ra cũng hiểu biết một cách cụ thể và họ bắt đầu khám phá Chúa Giesu là ai. Sự hiểu biết khác nhau như vậy vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Có nhiều người biết khá nhiều chi tiết về chúa Giesu, nhưng chưa bao giờ thực sự biết và yêu mến Người. Nhiều người như vậy đã từng nghiên cứu thần học! Trái lại, cũng có nhiều người đơn sơ, không nghiên cứu, chẳng hiểu biết chi tiết nhiều về người nhưng lại biết về sự thật và vẻ đẹp huy hoàng của người đầy đủ và trọn vẹn.

TẶNG VẬT VÀ MÀU NHIỆM

Mục đích tự nhiên của hôn nhân là sinh con cái. Nó bảo đảm cho sự liên tục của nòi giống, tạo dựng thế hệ mới, bởi vì loài người được tạo dựng nên rồi chết, nhưng có thế hệ sau nối tiếp. Do đó mới có sự liên tục của loài người. Đức Gioan Phaolo II đã nói với chúng ta rất nhiều lần về việc này: *"Tương lai nhân loại là ở gia đình"*.

Có người đặt câu hỏi, cuộc sống tận hiến độc thân và giữ đức trong sạch phải chăng là dấu chỉ của sự sống lại và vương quốc Thiên Chúa đang đến gần, vì khi đã sống lại và ở trong vương quốc, người ta không còn cưới nhau, không có chuyện dựng vợ gã chồng nữa. Độc thân và đức trong sạch trong Giáo Hội đã gọi chú ý đến một phẩm trật mới trong Tin Mừng. Nó liên hệ đến sự sống lại của người chết; nó là dấu chỉ của viên mãn, của bất giết và của sự sống.

Tình rạng độc thân là dấu chỉ của thế giới sắp tới mà các linh mục thuộc nghi thức Latin đang cố gắng sống trọn vẹn suốt đời là kẻ theo chúa Giesu Kito, làm mục vụ Tin Mừng, cầu nguyện và chiêm nghiệm dưới chân thầy chí thánh, tuyên xưng ngày sắp đến của vương quốc Thiên Chúa, dâng hiến bí tích hy sinh Thánh Thể được gói gém trọn vẹn trong thiên chức linh mục. Đó chính là điều chúa Kito muốn khi người thành lập tình trạng tự ý độc thân và giữ khiết tịnh vì "vương quốc thiên đàng". Thiết lập điều giống như chúa Kito, không phải chỉ là tinh thần mà còn cả vật chất lẫn thực tế nữa. Tự ý ở độc thân và tự do giữ khiết tịnh là một tình trạng rất thích hợp với công việc phục vụ vương quốc. Giống như chúa Giesu, linh mục tự hứa hoàn toàn xả thân cho công tác mục vụ. Giữ độc thân và khiết tịnh không phải để được an bình hay tự do hơn hầu làm điều mình mong muốn, nhưng là để trở nên giống chúa Giesu Kito trong ước nguyện quyết tâm đi về vương quốc.

Với công đồng Vatican II, truyền bá Tin Mừng không phải chỉ do linh mục hay hàng giáo sĩ, tu sĩ mà còn do cả giáo dân. Giáo dân cũng giữ một vai trò không kém, có khi còn thực tế và quan trọng hơn cả giáo sĩ. Chủ trương tân phúc âm hóa của Giáo Hội phải chăng là đặt trách nhiệm trên giáo dân hơn là giáo sĩ, vì giáo dân dễ đi vào lòng người hơn là giáo sĩ. Do đó giữ lòng trong sạch, trung thành trong tình nghĩa vợ chồng cũng quan trọng không kém tính độc

thân và khiết tịnh của hàng giáo sĩ, và đó cũng là chuẩn bị cho ngày sống lại hưởng vương quốc thiên đàng!

KẾT: LỜI NGUYỆN TRONG TUẦN

Xác loài người ngày sau sống lại là thực sự. Vương quốc Thiên Chúa là có thật. Chớ gì chúa Giesu và Thiên Chúa Cha là đáng đã yêu thương chúng tôi và cho chúng tôi lòng can đảm không hề phai và hy vọng vững bền qua ân sủng của Chúa, xin ban cho chúng tôi lòng cương quyết và sức mạnh trong mọi lời nói và việc làm. Chúa chúng tôi là đáng trung tín, Người sẽ ban sức mạnh và diu giắt chúng tôi tránh khỏi mọi ác quỷ. Xin Chúa hướng dẫn tâm hồn chúng tôi yêu mến Thiên Chúa và biết chịu đựng như chúa Kito (2Tx 2:16-3:5).

Lạy Chúa, khi vinh quang Chúa xuất hiện, nỗi vui mừng của tôi sẽ tràn đầy. Xin gìn giữ tôi như con mắt Chúa, xin che chở tôi dưới cánh tay người. Nhưng, trong sự công chính, tôi sẽ chiêm ngưỡng dung nhan người; khi bước đi, tôi sẽ hoan hỉ trước sự hiện diện của người. (Cv 17:1,5-6,8,15).

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại. Xin Chúa cho chúng tôi an hưởng vương quốc Thiên Đàng của Chúa, trong vinh quang Thiên Chúa. Amen.

Fleming Island, Florida

Nov. 6, 2013

NTC

VỀ MỤC LỤC

Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh (tiếp theo kỳ trước)

LTS. *"Không phải bất cứ ai thừa với Thầy: Lạy Chúa, lạy Chúa là được vào Nước Trời cả đâu ! Nhưng chỉ ai thi hành ý muốn của Cha Thầy, Đấng ngự trên trời mới được vào mà thôi"* (Mt 7,21), điều ấy dường như ai cũng đã biết; nhưng Ý Chúa dành cho mỗi người lại chẳng giống nhau, vì thế việc tìm hiểu Ý Chúa thế nào cho cả đời mình hay từng biến cố lớn nhỏ trong cuộc sống cá nhân cũng như cộng đoàn, sẽ trở thành công việc thật cấp bách và tối quan trọng. Chúa Kitô Giesu đã từng gọi "thế hệ này là thế hệ gian ác" không phải vì chúng ta phạm những tội hình sự tày đình mà chỉ vì chúng ta đã không làm theo Ý Chúa muốn.

"Nhận Định Thiêng Liêng và Quản Trị Trong Hội Thánh" là một tài liệu quý giá và công phu với ngôn từ giản dị rất dễ hiểu, được Cha Giuse Nguyễn Công Đoàn, SJ soạn thảo cho các hội dòng tại VN, tuy nhiên những điều tác giả trình bày lại rất thực tế đến nỗi có thể áp dụng trong hầu hết mọi hoàn cảnh, kể cả trong các gia đình, những cộng đoàn lớn nhỏ, giáo xứ, giáo phận. Xin đặc biệt ưu ái đến với những giáo dân, tu sĩ, giáo sĩ vùng sâu vùng xa, nơi mà giao thông và mọi phương tiện đều khó khăn, Quý vị có thể tự "Nhận Định Thiêng Liêng" như một cuộc Linh Thao thực sự hữu hiệu - một khí cụ tối ưu của truyền thống Dòng Tên.

BBT chúng con hân hạnh được chia ra làm nhiều phần đăng liên tiếp trên các số báo GSVN. Hoặc quý vị có thể tải về máy trọn bản văn đầy đủ tại địa chỉ:

<http://www.congiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=11781>

Hoặc cũng có thể gửi email cho BBT: giaosivietnam@gmail.com

hoặc conggiaovietnam@gmail.com để có thể nhận qua email trọn bản văn trên file word.



Chúng con cũng xin chân thành cảm ơn Cha Giuse đã dành cho chúng con món quà giá trị và rất ý nghĩa này, đặc biệt là đúng vào thời điểm khởi đầu Sứ vụ Giáo hoàng của người con ưu tú của Dòng Tên: Đức Thánh Cha Phanxicô. Tài liệu này sẽ giúp hiểu thêm chính cung cách Quản Trị của Ngài.

BBT CGVN.

NB. Linh mục Giuse Nguyễn Công Đoàn, Dòng Tên, ngoài các trách nhiệm trong nội bộ Dòng Tên tại Việt Nam, đã góp phần dưới nhiều hình thức trong việc phục vụ các Dòng Tu tại Tổng Giáo Phận Saigon từ năm 1975-2003. Sau đó ngài đã được Cha Bề Trên Tổng Quyền Peter-Hans Kolvenbach bổ nhiệm làm Phụ tá Bề Trên Tổng quyền đặc trách Vùng Đông Á - Úc. Từ năm 2008, ngài là Giám đốc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Kinh tại Giêrusalem, và phụ trách các tu sĩ Dòng Tên phục vụ tại Thánh Địa.

MỘT MÔ HÌNH NHẬN ĐỊNH CỘNG ĐOÀN

Công Nghị Giêrusalem sẽ là cơ hội cho chúng ta chứng kiến một cuộc nhận định mang tính cộng đoàn làm mô hình cho mọi cuộc nhận định cộng đoàn.

Đọc Cv 11 chúng ta có cảm tưởng vấn đề “đồng bàn” giữa tín hữu gốc Do Thái và gốc dân ngoại đã được giải quyết thỏa đáng và mọi người ở Giêrusalem đồng ý sau cuộc chất vấn thánh Phêrô, nhưng sau khi hai ông Phaolô và Ba-na-ba thực hiện cuộc hành trình rao giảng Tin Mừng lần thứ nhất, vấn đề lại trở nên sôi động ngay tại Antiokhia. Thư thánh Phaolô gửi tín hữu Ga-lát còn cho thấy ngay cả sau Công nghị Giêrusalem nó vẫn còn dai dẳng, lan cả tới vùng Ga-lát, và thậm chí bản thân thánh Phêrô cũng không còn tự tin như lúc bị chất vấn ở Giêrusalem (x.Gl 2,11-14). Một số người bảo thủ ở Giêrusalem vẫn cho rằng chịu phép rửa nhân danh Chúa Giêsu chưa đủ để có thể “đồng bàn” với tín hữu gốc Do Thái, chưa đủ để được cứu độ, được làm Dân Thiên Chúa.

Những người bảo thủ từ Giêrusalem xuống Antiokhia gieo hoang mang. Phản ứng tức thời là tranh luận. Nhưng tranh luận cũng không giải quyết được gì hơn, vì những người gây hoang mang không phải là thành phần lãnh đạo và không được lãnh đạo cử đi, như bức thư của Công Nghị thông báo quyết định nêu rõ (Cv 15,24). Thái độ của những người gây rối này ngược hẳn với thái độ của ông Ba-na-ba, họ hành động theo sáng kiến riêng, họ không nhận ra ơn Chúa mà chỉ tìm cách áp đặt ý kiến của họ, vì thế không thể đối thoại với họ. Diễn biến của vụ việc đưa cộng đoàn Antiokhia tới quyết định (như vậy phải giả thiết là cộng đoàn này cũng đã qua một cuộc nhận định, tuy bản văn không nói trực tiếp) cử phái đoàn chính thức lên Giêrusalem “gặp các tông đồ và các kỳ mục để bàn về vấn đề đang *tranh luận này*”.

Trên đường từ Antiokhia lên Giêrusalem, phái đoàn đã có dịp kể cho các cộng đoàn ở Phê-ni-xi và Sa-ma-ri về “việc các dân ngoại đã trở lại với Thiên Chúa, khiến *tất cả các anh em rất đổi vui mừng*”. *Thêm một sự tương phản nữa. Những ai biết đón nhận ơn Thiên Chúa thì đều rất đổi vui mừng.* Còn những người theo ý riêng mình, không nhận ra ơn Thiên Chúa thì chỉ gây hoang mang. Phê-ni-xi và Sa-ma-ri đã được rao giảng Tin Mừng cùng thời với Antiokhia.

Những người chống đối đều xuất phát từ Giêrusalem và không được các cộng đoàn khác chấp nhận. Còn giới lãnh đạo tại Giêrusalem thì sao?

Dấu hiệu tốt đẹp đầu tiên là: tới Giêrusalem, các ông được Hội thánh, các Tông đồ và kỳ mục tiếp đón, và các ông kể lại tất cả những gì Thiên Chúa đã cùng làm với các ông. Nhưng phe chống đối đã có mặt và lên tiếng tuyên bố lập trường. Thế là khởi cơn chờ đoàn đại biểu Antiokhia khiêu nại, các Tông Đồ và các kỳ mục bèn họp nhau để xem xét việc này.

Diễn biến cuộc họp này như thế nào?

Mở đầu vẫn là một cuộc tranh luận không có kết luận.

Phải đổi phương pháp làm việc. Thánh Phêrô là người khởi xướng. Thay vì tranh luận, hãy nghe và nhìn xem Thiên Chúa đã hành động như thế nào.

Thánh Phêrô đứng lên kể lại kinh nghiệm bản thân của mình như là người đầu tiên được chọn để rao giảng Tin Mừng cho dân ngoại và đưa ra những kết luận:

1) Thiên Chúa đã chấp nhận dân ngoại cũng như người Do Thái, bằng chứng là Người đã ban Thánh Thần cho họ cũng như đã ban cho chúng ta.

2) Thiên Chúa không phân biệt chút nào giữa chúng ta với họ, vì đã dùng đức tin để thanh tẩy lòng họ (hiểu ngầm là cũng như chúng ta!) Sau này thánh Phaolô sẽ đẩy đến cùng hệ luận này : người ta được cứu độ là nhờ đức tin chứ không phải nhờ thi hành những việc Luật Môsê truyền.

3) Vậy thì đừng thử thách Thiên Chúa mà quàng vào cổ các môn đệ một cái ách mà cả cha ông chúng ta lẫn chúng ta đã không có sức mang nổi.

4) Cuối cùng là một nguyên tắc tuyệt đối : Chính nhờ ân sủng Chúa Giêsu mà chúng ta tin mình được cứu độ, cũng một cách như họ.

Vậy thì người Do Thái cũng như người ngoại đều bình đẳng khi đón nhận ơn cứu độ nhờ tin vào Chúa Giêsu và ân sủng Ngài đem tới. Sau này thánh Phaolô sẽ giải quyết khúc mắc : vậy thì có luật Môsê để làm gì (x. Gl,3).

Hiệu quả trước tiên và tức khắc của lời phát biểu của thánh Phêrô là kéo được toàn thể hội nghị vào thái độ lắng nghe, tạo điều kiện cho hai ông Ba-na-ba và Phaolô có thể đứng lên kể lại “các dấu lạ điềm thiêng TC đã dùng hai ông mà làm *giữa các dân ngoại*”. *Nên chú ý tới kiểu nói “dấu lạ điềm thiêng”, là kiểu nói quen thuộc của Cựu Ước để nói về ơn Chúa giải thoát It-ra-en khỏi ách nô lệ Ai-Cập.*

Đến lượt ông Giacôbê (người có uy tín nhất ở cộng đoàn Giêrusalem, những người gây rối vẫn núp dưới tên ông) đứng lên tổng hợp những gì đã nhận ra sau khi nghe ông Phêrô, hai ông Phaolô và Ba-na-ba. Ông mở rộng tầm nhìn cho hội nghị: nhìn vào kế hoạch của Thiên Chúa. Ngay từ đầu, Thiên Chúa đã đoái thương *chọn trong các dân ngoại một dân mang danh Người*. Ông Giacôbê viện dẫn lời ngôn sứ A-mốt để chứng minh đó là kế hoạch của Thiên Chúa đã được loan báo tự ngàn xưa. Ông Phêrô, ông Phaolô hay ông Ba-na-ba có được sai đi rao giảng cho dân ngoại, thì chỉ là để thực hiện kế hoạch ấy của Thiên Chúa. Vậy thì lãnh đạo của Hội Thánh phải làm gì? Không được gây phiền hà cho những *người gốc dân ngoại trở lại với ThiênChúa, nói cách khác: đừng cản trở kế hoạch của Thiên Chúa*. Tuy nhiên cũng phải chú ý tới những người gốc Do Thái, đừng gây “sốc” cho họ, bởi vì “từ những thế hệ xa xưa, trong mỗi thành ông Môsê đều có những người rao giảng: *họ đọc lời của ông trong các hội đường mỗi ngày sa-bát*”.

Thế là đã rõ, phải tìm một sự tương nhượng để Do Thái và dân ngoại có thể sống chung với nhau trong một Hội Thánh duy nhất. Đừng gây phiền hà cho người gốc dân ngoại bằng cách quàng vào cổ họ cái ách của luật Mô-sê mà chính người Do Thái không mang nổi, nhưng người gốc dân ngoại cũng phải tránh làm những chuyện “chọc vào mắt” người Do Thái như ăn thịt đã cúng cho ngẫu tượng, ăn tiết canh, cháo huyết...

Bản văn không nói tới một cuộc biểu quyết nào. Mọi người như đã nhất trí, Công Nghị chuyển ngay sang việc cử một phái đoàn chính thức đi An-ti-o-khi-a để công bố quyết định của Công Nghị với văn bản rõ ràng trên giấy trắng mực đen. Đó cũng là cách chấm dứt mọi tranh luận, đồng thời chặn bước và bịt miệng những kẻ gây rối.

Chúng ta hãy để ý đến lời công bố “Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định”. Công Nghị ý thức rõ ràng mình đã làm việc theo sự dẫn dắt của Thánh Thần và quyết định này vừa là của Thánh Thần vừa là của Công Nghị. Khi thánh Phê-rô và các Tông Đồ đứng trước tòa, thánh Phê-rô tuyên bố: về những sự kiện đó, chúng tôi *xin làm chứng cùng với Thánh Thần, Đấng mà Thiên Chúa đã ban cho những ai vâng lời Người. Vậy thì việc làm chứng cho Chúa Giêsu cũng như việc quản trị cộng đoàn đều phải làm cùng với Thánh Thần và theo Thánh Thần.*

Đọc lại trình thuật về Công Nghị Giêrusalem, chúng ta thấy rõ vai trò và cách thức nhận định cộng đoàn. Tranh luận không giải quyết được vấn đề, bởi vì mỗi người vẫn bênh vực quan điểm của mình. Chỉ khi cùng nhau tìm hiểu, chiêm ngưỡng kế hoạch của Thiên Chúa và tuân theo kế hoạch ấy người ta mới có thể đồng tâm nhất trí. Kết quả của tranh luận bao giờ cũng có kẻ thắng người thua nên khó đi tới sự đồng tâm nhất trí. Phải làm theo “phe thắng”, nhưng vẫn cứ muốn tìm người ủng hộ quan điểm của mình, mong cho công việc thất bại để chứng tỏ mình có lý: “tôi đã bảo mà!”, “thấy chưa?”. Và trong tâm trạng đó thì khó mà tích cực cộng tác để thực hiện những điều đã quyết định, nếu không phải là đi tới mức bất hợp tác, thậm chí “phá thối”. Chỉ khi vâng phục Thánh Thần người ta mới có thể hết mình thực hiện điều đã quyết định.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ NHẬN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG

Trong Tân Ước, ngoài những thực hành gặp trong sách Công Vụ Tông Đồ, chúng ta còn gặp những lời nhắc nhở, mời gọi như: “Anh em thân mến, anh em đừng cứ thần khí nào cũng tin, nhưng hãy cân nhắc các thần khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không” (I Ga 4,1). “Anh em đừng dập tắt thần khí” (I Tx 5,19). Hai lời khuyên này bổ túc cho nhau. Đừng dập tắt thần khí, nhưng đồng thời phải cân nhắc, phải nhận định xem “có phải bởi Thiên Chúa không”. Đó là trách nhiệm của mỗi người trong cuộc sống và cũng là trách nhiệm đặc biệt khó khăn của những người có trách nhiệm dui dắt cộng đoàn. Một nguyên tắc bổ sung khác làm cho ta an tâm, đó là nguyên tắc của ông Ga-ma-li-en: “nếu ý định hay công việc này là do người phàm, tất sẽ bị phá hủy; còn nếu quả thật là do Thiên Chúa, thì quý vị không thể nào phá hủy được” (Cv 5,38-39). Cả những người có trách nhiệm lãnh đạo cũng như các thành viên khác của cộng đoàn đều phải dựa vào nguyên tắc trên đây. Khi đứng trước những cái mới mẻ trong cộng đoàn, có lúc thấy được rõ ràng, có lúc phải kiên nhẫn chờ đợi như ông Ga-ma-li-en đã khuyên Thượng Hội Đồng. Vấn đề chúng ta đặt ra là làm thế nào để nhận ra một sự thôi thúc trong lòng, một ý định nảy sinh, một trào lưu mới, một sáng kiến trong Giáo Hội, trong cộng đoàn... có phải bởi Thánh Thần hay bởi tà thần, có phải bởi Thiên Chúa hay bởi thế gian, xác thịt. Cũng có khi không phải là nhận định về một cái gì đã có trước mắt, mà nhận định xem Chúa muốn tôi, chúng ta làm gì trước một hoàn cảnh nào đó: có thể là cả cuộc sống (chọn bậc sống), có thể là một hoàn cảnh mới đòi thích ứng, đòi sáng kiến để đáp ứng.

Ở đây chúng ta có thể nhờ kinh nghiệm và chỉ dẫn của thánh I-nhã, người đã có một bề dày kinh nghiệm về nhận định thiêng liêng cá nhân và cộng đoàn. Sau khi đem cả tuổi trẻ của mình đi tìm danh vọng và quyền lực, một quả đại bác đã quật ngã người thanh niên quý tộc của

dòng họ Loyola trong khi tử thủ pháo đài Pamplona. Trên giường bệnh, người thanh niên vừa đúng tuổi “tam thập như lập” này vẫn chưa chịu đầu hàng, vẫn sẵn sàng chịu mọi đau đớn để các thầy thuốc đập khúc xương chỗ đầu gối vừa lành, nối lại cho ngay ngắn để tiếp tục mang đôi giày quý tộc, trong lòng vẫn tiếp tục dệt giấc mộng vàng danh vọng theo tiểu thuyết kiếm hiệp. Rồi một cái gì mới mẻ đã xâm nhập vào tâm hồn khi bắt đầu phải đọc cuộc đời Chúa Kitô và hạnh các thánh, vì kho sách kiếm hiệp của lâu đài đã cạn. Xen kẽ với những mộng mơ kiếm hiệp, lại có những ước vọng noi gương các thánh, chinh phục những đỉnh cao ngược với danh vọng và quyền lực. I-nhã bắt đầu nhận thấy có sự khác biệt trong lòng tùy lúc mình đã thả hồn theo giấc mộng công danh hay theo khát vọng noi gương các thánh. Mơ mộng công danh để lại một sự khô khan trống vắng lạnh lẽo, khát vọng nên thánh để lại sự bình an ngọt ngào an ủi. Đó là bước khởi đầu của một kinh nghiệm rất phong phú về phân định thần loại mà ngài sẽ để lại trong kho tàng khôn ngoan của Hội Thánh. 30 năm sau, khi nhìn lại cuộc đời mình, ngài nói rằng lúc ấy chẳng có ai dạy dỗ ngài, nhưng Thiên Chúa đã dạy dỗ ngài như thầy giáo dạy một cậu học trò nhỏ.

Kinh nghiệm này ngài đã truyền đạt trong cuốn sách nhỏ “Linh Thao”, vận dụng cùng với nhóm bạn đầu tiên trong cuộc nhận định cộng đoàn đưa tới việc thành lập Dòng Chúa Giêsu và trong việc soạn thảo Hiến chương Dòng Chúa Giêsu cũng như việc quản trị Dòng mới này suốt 15 năm, tạo ra một nếp sống và một đường lối quản trị theo Thánh Thần, tồn tại hơn 450 năm qua giữa bao thử thách, sóng gió, kể cả cái chết (suốt 40 năm, 1774-1814) khi dòng bị chính Đức Giáo Hoàng ký lệnh giải thể.

Trong sách Linh Thao, thánh I-nhã cho những nguyên tắc để phân biệt thần loại và cách thức thực hiện một cuộc chọn lựa để quyết định về bậc sống hoặc để chinh đốn cuộc sống. Những chỉ dẫn này giúp chúng ta biết cách thức “cân nhắc các thần khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không”. Những nguyên tắc này chia làm hai nhóm, nhóm thứ nhất tương ứng với tuần thứ nhất của tiến trình Linh Thao, tức là thời gian suy niệm về tội lỗi để xin ơn hoán cải sâu xa. Nhóm thứ hai tương ứng với tuần thứ hai tức là thời gian chiêm ngắm Chúa Giêsu trong màu nhiệm nhập thể và cuộc sống công khai, để xin ơn “biết Chúa hơn, yêu Chúa hơn và theo Chúa hơn”. *Ta thử đọc lại những nguyên tắc ngài đã nêu trong sách :*

313. QUY TẮC ĐỂ CẢM BIẾT VÀ NHẬN RA PHẦN NÀO NHỮNG THỨC ĐẨY KHÁC NHAU TRONG LINH HỒN ĐIỀU TỐT ĐỂ ĐÓN NHẬN VÀ ĐIỀU XẤU ĐỂ LOẠI BỎ (các quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ nhất).

314. QUY TẮC I: *Đối với những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú bề ngoài, xui họ tưởng đến những khoái lạc và vui thú giác quan để dễ cầm giữ và thúc đẩy họ tiến sâu vào thói hư và tội lỗi. Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, bằng cách thô thúc cho lương tâm cắn rứt họ bằng luật tự nhiên của lẽ phải.*

315. QUY TẮC II: *Nơi những người tiến mạnh trong việc diệt trừ tội lỗi và đang tiến lên hơn mãi trên đường phụng sự Thiên Chúa, Chúa chúng ta, thì lại có phương pháp ngược lại với quy tắc thứ nhất. Vì khi đó, đường lối riêng của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và đặt chướng ngại bằng cách gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo để người ta khỏi tiến tới, còn cách thức riêng của thần lành là làm cho can đảm và sức mạnh, an ủi, nước mắt, ơn soi giục và an nghỉ, giảm bớt và hủy diệt các trở ngại để cho người ta tiến lên trong đường lành.*

316. QUY TẮC III: *Về an ủi thiêng liêng. Gọi là an ủi trong khi linh hồn phát khởi một thúc đẩy nội tâm, khiến linh hồn bừng cháy lửa kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, và do đó, không có thể yêu một tạo vật nào trên mặt đất vì chính tạo vật ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự. Đó cũng là trường hợp linh hồn chảy nước mắt giục lòng mến Chúa, hoặc bởi đau đớn vì tội lỗi mình, hay vì sự thương khó của Đức Kitô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác trực tiếp hướng về việc phụng sự và ca ngợi Chúa. Sau cùng, còn gọi là an ủi mọi gia tăng*

của lòng tin- cậy- mến, cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi kéo (tâm hồn) đến những sự trên trời và phần rỗi riêng của linh hồn mình, làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

317. QUY TẮC IV: Sự sầu khổ thiêng liêng. Gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ ba, như sự tối tăm trong linh hồn, xao xuyến bề trong, thúc đẩy về những gì thấp hèn và phàm tục, lo lắng về những xao động và cảm dỗ xúi ta mất tin tưởng, trông cậy, lòng mến; (linh hồn) cảm thấy lười biếng, khô khan, buồn sầu và như bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình. Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng do an ủi sinh ra cũng trái ngược với các tư tưởng do sầu khổ sinh ra như vậy.

318. QUY TẮC V: Trong thời gian sầu khổ, đừng bao giờ thay đổi, nhưng hãy cương quyết bền vững trong những quyết định và dốc lòng có trước khi bị sầu khổ, hoặc những quyết định đã có khi được an ủi trước đây. Vì cũng như trong khi được an ủi, phần nhiều là thần lành hướng dẫn khuyên nhủ ta thế nào, thì trong cơn sầu khổ, thần dữ cũng (làm) như vậy, mà theo lời khuyên của nó, ta chẳng thể gặp được con đường đưa tới đích.

319. QUY TẮC VI: Trong cơn sầu khổ, nếu như không nên thay đổi những điều đã quyết định, thì lại rất nên cương quyết thay đổi chính mình để chống lại với cơn sầu khổ ấy, chẳng hạn bằng cách chăm chú cầu nguyện, suy gẫm hơn, xét mình nhiều hơn và gia tăng sự hãm mình theo cách nào thích hợp.

320. QUY TẮC VII: Đang gặp sầu khổ, ta hãy nghĩ rằng, để thử luyện ta, Chúa đã để ta với sức tự nhiên chống trả các xao động và cảm dỗ của kẻ thù; như vậy ta vẫn có thể chống trả được, nhờ ơn Chúa vẫn giúp đỡ dù ta không cảm thấy rõ ràng. Vì Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mạnh mẽ nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời.

321. QUY TẮC VIII: Đang cơn sầu khổ hãy gắng giữ sự nhẫn nại, là sự trái ngược với những xáo trộn xảy đến, và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi, nếu hết sức chiến đấu với cơn sầu khổ ấy, như đã nói ở quy tắc thứ sáu.

322. QUY TẮC IX: Có ba nguyên do chính khiến ta gặp sầu khổ:

- thứ nhất: vì ta không sốt mến đủ, lười biếng hay chểnh mảng trong các việc thiêng liêng; vậy là vì lỗi ta mà sự an ủi thiêng liêng lìa bỏ ta;
- thứ hai: để thử coi sức ta tới đâu và ta có thể vươn tới đâu trong việc phụng sự và ca ngợi Chúa, khi không được thưởng công bằng bấy nhiêu an ủi và ân sủng bao la;
- thứ ba: để ta học biết và nhận thức tận thâm tâm rằng, không phải tự ta làm phát sinh hay duy trì được lòng sốt sắng vô ngần, lòng mến mạnh mẽ, nước mắt hoặc ơn an ủi thiêng liêng, mà mọi sự đều là ân điển của Thiên Chúa, Chúa chúng ta, và để ta đừng “làm tổ ở nhà người khác”, và đừng tự đắc đến trở thành kiêu ngạo, khoe khoang, tự gán cho mình lòng sốt sắng hay các hoa trái khác của ơn an ủi thiêng liêng.

323. QUY TẮC X: Khi được ơn an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến, đồng thời dành lấy sức cho lúc đó.

324. QUY TẮC XI: Ai được an ủi, phải gắng tự khiêm và tự hạ chừng nào có thể, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy trong cơn sầu khổ, khi không có ân sủng này. Trái lại, người lâm cơn sầu khổ phải nghĩ mình có thể làm được nhiều nhờ ơn đủ của Chúa trợ giúp, để chống trả mọi kẻ thù, nhờ lấy sức nơi Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.

325. QUY TẮC XII: Kẻ thù xử sự như đàn bà, vì khi ta chống trả thì nó yếu, và khi ta để mặc thì nó mạnh. Quả vậy, đặc tính của đàn bà khi gây gỗ với người đàn ông, là mất can đảm

và chạy trốn khi người đàn ông thẳng tay chống trả. Trái lại, nếu người đàn ông bắt đầu chạy trốn và mất can đảm, thì cơn giận, sự trả thù và sự hung dữ của người đàn bà thật không sao lường được.

Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù là yếu nhược, khiếp đảm và bỏ chạy với những chúc cảm dỗ của nó, khi người tập tành trong đảng thẳng tay chống trả các cảm dỗ của nó bằng cách làm điều ngược hẳn lại. Trái lại, nếu người ấy bắt đầu sợ hãi và mất can đảm trước cơn cám dỗ, thì trên mặt đất này, không có vật nào hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó cách dữ dằn chừng ấy.

326. QUY TẮC XIII: Kẻ thù cũng còn sử dụng như kẻ si tình lãng lợ, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ. Quả vậy, một người đàn ông đòi bại dùng lời xảo trá quyến rũ một thiếu nữ con nhà lành, hoặc vợ một người đứng đắn, thì muốn cho những lời dụ dỗ của hắn được giữ kín; trái lại hắn rất bất mãn khi thiếu nữ mách với cha, thiếu phụ mách với chồng những lời quyến rũ và ý xấu xa của hắn, vì hắn dễ dàng suy ra rằng, không thể nào thành công được với chuyện hắn đã bắt đầu.

Cũng vậy khi kẻ thù của bản tính loài người đưa những sự xảo trá và xúi giục của nó vào linh hồn ngay lành, thì mong muốn những điều đó được tiếp nhận và giữ kín. Nhưng khi linh hồn tỏ ra với cha giải tội tốt hay một người đạo đức nào khác am tường những đối trá và sự hiểm độc của nó, thì nó rất bất mãn, vì nó kết luận rằng không thể đạt tới điều xấu xa mà nó đã bắt đầu, vì sự đối trá rõ rệt của nó đã bị phanh phui.

327. QUY TẮC XIV: Kẻ thù lại còn xử sự như một tướng quân để thắng và cướp những gì nó muốn. Vì như một vị chỉ huy cầm đầu đội quân, sau khi đặt doanh trại và xem xét lực lượng hoặc cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào điểm yếu nhất; thì cũng vậy, kẻ thù của bản tính loài người lượn quanh để dò xét những nhân đức đối thần, các nhân đức trụ [1] và các nhân đức luân lý khác của ta, và điểm nào nó thấy ta yếu nhất và dễ nguy nhất cho phần rỗi đời của ta, nó sẽ tấn công vào đó và cố hạ ta.

328. QUY TẮC VỀ CÙNG MỘT VẤN ĐỀ ĐỂ PHÂN BIỆT CÁC THẦN RÕ HƠN (Các quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ hai.)

329. QUY TẮC I: Đặc điểm của Chúa và các thiên thần khi soi giục là ban sự sáng khoái và vui vẻ thẳng liêng liêng thật, xóa bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào. Còn đặc điểm của kẻ thù là chống lại sự sáng khoái và niềm an ủi thẳng liêng ấy bằng cách đưa ra những lý do giả tạo, cầu kỳ và nguy hiểm không cùng.

330. QUY TẮC II: Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban ơn an ủi cho linh hồn mà không cần có nguyên do trước; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là vào, ra, đánh động linh hồn, lôi cuốn trọn vẹn linh hồn làm cho linh hồn yêu mến Ngài. Tôi nói không có nguyên do, nghĩa là, không có một tình cảm hay một nhận thức về một đối tượng nào trước, nhờ đó sự an ủi phát sinh do tác động của trí tuệ và ý chí.

331. QUI TẮC III: Khi có nguyên do, thần lành cũng như thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm mục đích trái ngược nhau: thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để nó lớn lên và ngày càng tốt lành hơn, còn thần dữ nhằm điều ngược lại, để rời lôi cuốn linh hồn theo ý xấu xa đối tệt của nó.

332. QUI TẮC IV: Đặc điểm của thần dữ là giả dạng thần lành đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín để rồi kéo linh hồn ra theo đường của nó; nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với tâm hồn công chính, rồi lần lần gắng lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý đòi tệt của nó.

333. QUI TẮC V: Cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ đầu đến cuối đều tốt, hướng hẳn về đường lành, là dấu hiệu của thần lành. Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới điều xấu hoặc lo ra, hay không được tốt như điều trước đó linh hồn đã định làm, hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, bối rối, mất sự bình an, yên tĩnh đã có từ trước, đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ, kẻ thù của sự tiến tới và phần rỗi ta.

334. QUI TẮC VI: Khi đã cảm thấy và nhận ra kẻ thù của bản tính loài người bởi cái đuôi rắn của nó và mục đích xấu xa nó muốn đưa tới, thì điều có ích cho người bị cám dỗ là sau đó duyệt lại diễn biến của những tư tưởng tốt nó bày ra và khởi đầu của những tư tưởng ấy, và xem nó đã lần lần tìm cách khiến ta rời sự dịu ngọt và niềm vui siêu nhiên vốn có trước, cho đến chỗ đưa ta tới ý định đòi tị của nó như thế nào; để nhờ nhận biết và ghi lại những kinh nghiệm đó, ta sẽ giữ mình cho khỏi những đối trá thường lệ của nó sau này.

335. QUY TẮC VII: Đối với những người đang tiến tới, thần lành soi dẫn linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước thấm vào miếng bọt biển; còn thần dữ thì thúc đẩy cách chát chúa, ồn ào và sôi động, như giọt nước rơi trên đá. Với những người sa sút, thì các thần nói trên hành động ngược lại. Lý do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các thần nói trên, vì khi trái ngược, thì các thần xâm nhập cách ồn ào, dễ cảm thấy và nhận ra, còn khi hòa hợp thì các thần ấy xâm nhập lặng lẽ như vào nhà mình, cửa mở.

336. QUY TẮC VIII: Khi an ủi không có nguyên do, thì không có cạm bẫy, vì như đã nói trên, đó là ơn của riêng Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Song người sống thiêng liêng được Chúa ban ơn yên ủi phải tỉnh thức, và chú ý xem xét và phân biệt thời gian được an ủi với thời gian tiếp sau, khi linh hồn còn nóng nảy và sung sướng vì ơn an ủi vừa qua và dư hưởng của ơn ấy. Quả vậy, trong thời gian tiếp sau ấy, nhiều khi tự mình suy nghĩ theo tư tưởng và suy luận riêng, hoặc do ảnh hưởng của thần lành hay thần dữ, ta hoạch ra những dự định và ý kiến mà không phải do Thiên Chúa, Chúa chúng ta, trực tiếp ban cho, và vì thế, cần xét xem thật kỹ trước khi hoàn toàn tin tưởng ở những điều ấy và đem ra thực hành.

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

ĐỜI ĐỘC THÂN ĐƠN CHIẾC...

Lm. Ronald Rolheiser (OMI)

Toàn thể vũ trụ vạn vật đều làm việc có đôi có lứa. Từ những hạt nguyên tử cực nhỏ cho đến loài người, sự sinh thành ra cái gì đó đều phải có sự liên hợp với một cái khác ngoài nó. Hạnh phúc cũng thế, cũng không đi ra ngoài quy luật này.

Như vậy, với những người quyết định sống đơn chiếc, hoặc độc thân thì sao? Họ có là những con người bình thường không, có thể sinh thành được không, liệu họ có hạnh phúc?

Đối với nhiều người độc thân, cho rằng cuộc đời gì mà chẳng công bằng chút nào. Hình như tất cả mọi sự đều được sắp đặt là để cho các đôi lứa, còn những kẻ độc thân thì chỉ có lạc lõng mà thôi. Thế nhưng, đây vẫn chưa phải là vấn đề chính. Vấn đề sâu xa hơn, mà chúng ta thường thấy, đó là nơi các giáo hội địa phương hay trong xã hội của chúng ta ngày nay đều không nghĩ rằng: những người độc thân chính là *biểu tượng của một lối sống dâng tặng, cách sống hy hiến cho nhân loại.*

Vì vậy, đối với những người sống đơn chiếc, họ cảm giác như mình bị đứng ra ngoài cõi nhân gian này, họ thấy mình như người không bình thường, họ cảm giác như bị thiếu thiếu cái gì đó rất cần thiết trong cuộc đời này. Hơn thế, không giống như những cặp kết hôn hay các tu sĩ khấn Dòng, rất nhiều người trong tình trạng đơn chiếc có nỗi trạng tiêu cực trong lối sống của mình. Họ cảm thấy tình trạng của họ như là sự ép buộc, chẳng đáng đờng. Cũng có ít người trong số họ thì cảm thấy thanh thản, vui vẻ chấp nhận phận mình. Thay vì họ cảm nhận số phận này như cái gì đó tương đối mau qua, nhưng không, họ thấy như cái gì đó nặng nề và một mình lủi thủi mong vượt thoát. Thật hiếm để tìm gặp một người sống lẻ loi, nhất là người còn trẻ trung, nhận biết mình đang trong tiến trình lão hóa, và đang từ từ chết trong tình trạng đơn chiếc, nhưng vẫn thấy vui vẻ hạnh phúc thật sự. Lúc nào những kẻ lẻ loi cũng có cảm giác như thế này: Cần phải đổi thay thôi! Tôi có chọn lối sống như thế này đâu! Tôi không thể sống như thế này mãi suốt đời tôi được!

Khi nghĩ như thế, thật sự sẽ gặp nhiều nguy hiểm. Trước hết, nguy hiểm khi người ta không bao giờ thấy đời mình là dồi dào an vui, hoặc không thấy cuộc đời còn đáng sống nữa, hay không thể chấp nhận thực tế của mình một cách tích cực, hoặc không chấp nhận sự sống đầy sinh động và tươi mới khi mà mình thực ra đang ở trong đó. Cũng vậy, nguy hiểm nữa, khi người ta sống trong sợ hãi, từ đó, phải mau tìm người để kết hôn vì đơn giản họ nghĩ rằng hôn nhân được xem như thuốc tiên chữa bách bệnh, và rằng hạnh phúc chỉ có thể tìm thấy trong đời sống hôn nhân mà thôi, ngoài nó ra không thể tìm được hạnh phúc!

Những nỗi sợ hãi như thế sẽ hằn sâu và trở nên cố hữu trong tâm hồn cách nào đó. Sống đời lẻ loi đơn chiếc, vì thế, sẽ mang lại mất mát rất to lớn. Ở đây, sự khước từ sống đời hôn nhân không còn là bạn hữu của mình nữa. Khi người ta ước mong sống đạo đức hay sống đạo theo kiểu lý thuyết (không thực tế, không giúp gì được cho ai), để rồi chối từ năng lực dục tính của mình, thì thực ra họ vẫn không thể làm dịu đi những xúc cảm ham muốn (tính dục) trong lòng họ được, và trong trường hợp này, sẽ rất có lý khi Chúa nói với họ: *"đàn ông ở một mình thì không tốt."* Vạn thể trong vũ trụ này đều làm việc có đôi có lứa, còn sống lẻ loi đơn chiếc tức là khác biệt, nhiều lúc mình thấy mình quá khác biệt đến nỗi không dám nghĩ đến nữa. Khi suy tư về đời độc thân của mình, cố đan sĩ Thomas Merton lý giải như sau: *"Chối từ người phụ nữ sẽ là một cái tội trong đức khiết tịnh của tôi... Tôi sẽ trở thành một kẻ đầy thủ đoạn trong sự tuyệt vọng và lối sống vô tích sự, vì tôi sẽ kiếm tìm mọi kiểu bù đắp để khỏa lấp sự mất mát này, một mất mát mà không gì có thể bù lại được, một mất mát mà tôi hoàn toàn không thể chấp nhận được... Thế nhưng, tôi cũng học được rằng, tôi có thể chấp nhận tình trạng độc thân của tôi trong tinh thần và yêu thương, và điều này sẽ không còn là 'không thể bù đắp' lại được nữa. Thập giá vốn chữa lành và biến đổi chúng ta. Thật là thảm thương khi người ta chợt nhận thấy giữ đức khiết tịnh chỉ là một sự mất mát, và hãi hùng khi nghĩ đến sự chết đã chiến thắng rồi, nên những loại người này sẽ trở nên cần cỗi, vô dụng, và thường hay khó chịu và thù hận. Tôi không có ý ám chỉ đến số phận của tôi sẽ là thế, nhưng với lời khấn hứa của tôi, tôi nhận thấy điều này như một khả thể luôn luôn hiện hữu (có nghĩa là: việc giữ khiết tịnh cách thâm thương sẽ có khả năng xảy đến bất kỳ lúc nào cho dù có Khấn Dòng)."* Nếu không tỉnh thức, thì cuộc đời độc thân và đơn chiếc chắc chắn sẽ mang lại những hiểm nguy: là tình trạng không trưởng thành và tâm trạng đau đớn bất hạnh.

Nhưng nghịch lý thay, một khi chấp nhận sự thật này, sẽ là bước đầu tiên để khởi sự một cuộc sống tích cực vốn vượt lên mọi hiểm nguy đó. Tính dục có động năng làm cho mình nhận biết chính mình (tự thức). Qua hành vi tình dục, chúng ta đánh thức ý thức của mình và từ đó nhận biết chính mình, thế rồi chúng ta sẽ rơi vào một trong những trạng thái như sau: ngay lập tức dập tắt dục tính, hoặc bị kích thích ham muốn, hoặc thấy cảm giác cô độc, lạc lõng, đau đớn vì không có ai để hoàn hợp. Nếu sống trong nhận thức kiểu ấy, thì cuộc sống độc thân thực sự là một cái tội trong thế giới loài người ngày nay!

Tuy nhiên, sống đời độc thân và đơn chiếc không nhất thiết nghĩa là người ấy vô tính hay cần cỗi (không thể sinh thành). Thông thường người ta vẫn có ấn tượng là không thể tìm đâu ra

hạnh phúc ngoài sự hợp nhất qua hành vi tình dục. Quan niệm như thế thật là hão huyền và sai lầm. Tính dục là một xung năng (năng lực) có ở trong tất cả mọi chúng ta, hầu hướng chúng ta đến sự kết hợp, cộng đồng, gia đình, tình bằng hữu, tình cảm, tình yêu, sáng tạo, niềm vui và sự sinh thành. Chúng ta sẽ cảm thấy hạnh phúc và sống rất dồi dào nếu như những đặc tính ấy có trong cuộc đời chúng ta, chứ không phải vấn đề là chúng ta nằm một mình hay nằm với ai. Chính cuộc đời độc thân đơn chiếc sẽ cho chúng ta những cơ hội để đạt được những đặc tính ấy. *Thiên Chúa không bao giờ đóng một cánh cửa này mà lại không mở ra nhiều cửa khác.* Chẳng hạn, khi nền văn hóa của chúng ta đang cho chúng ta thấy rằng tìm một người tình còn dễ hơn là tìm ra một người bạn, thì đồng thời nền văn hóa ấy cũng muốn nói rằng, tính dục và sự sinh thành của con người là gì đó còn cao sâu hơn chiều kích sinh học.

Cũng có những phương thế khác để sống một đời sống tình dục lành mạnh, đó là đời sống hôn nhân kết hợp, để thụ thai và rồi mang thai, để làm mẹ làm cha, và để thân ái cảm nếm tình dục. Tính dục, tình yêu, sự sinh thành, gia đình, sự hưởng nếm và vui sướng mang nhiều dạng thức phong phú (chứ không chỉ là hành vi giao hợp mà thôi).

Ngày nọ, là thời gian mục vụ của đầu đời linh mục của tôi, tôi giúp một anh thanh niên trong tư cách là người hướng dẫn tâm linh, anh ta đang phân vân chọn lựa giữa đời sống hôn nhân và ơn gọi linh mục. Khi nói về đời sống linh mục, anh vô cùng do dự, và thật sự sợ hãi, anh cho biết: "Lúc nào con cũng sợ làm linh mục cả, vì đời sống độc thân linh mục có nghĩa là chết trong cô độc rồi. Bố con chết khi con mới 15 tuổi, nhưng mà bố con được chết trong lòng mẹ của con. Lúc nào con cũng chống đối đời sống độc thân vì con sợ một mình, con muốn được chết giống như bố con vậy, đó là chết trong vòng tay của một người đàn bà. Thế nhưng, đến một ngày nọ, con đang suy niệm về cuộc đời của Chúa Giêsu, bất chợt con giật mình vì Ngài đã yêu, và chết một mình, nhưng chẳng ở trong vòng tay của ai cả. Ngài ở một mình đó chứ, nhưng một cách mạnh mẽ, Ngài đã liên kết tất cả mọi người trong một cung cách khác. Điều này làm con ngộ ra rằng, chết theo cung cách này cũng thật tuyệt vời!"

Cũng như cố đan sĩ Merton đã nói, ước gì điều trước hết là hãy mở lòng để cho thập giá chữa lành và biến đổi chúng ta.

Lm. Khát Tuệ (chuyển ngữ)

VỀ MỤC LỤC

TÌNH BẠN

Sự chung thủy và trung tín với nhau trong những hoàn cảnh khó khăn hoạn nạn mới nói lên tình bạn chân thành mà con người dành cho nhau. Điều đáng cho chúng ta học hỏi chính là hiện tượng có những con vật nuôi cũng mang đặc tính này mà đôi khi làm cho chúng ta cũng khâm phục trước tình bạn trung thành của chúng với chủ và với nhau.

* * *

Câu chuyện chú chó Akitas tại Nhật Bản đã làm cho hàng triệu người suy nghĩ khi nó trung thành với chủ nó là giáo sư Ueno dù rằng ông đã chết đi 10 năm. Cũng như mọi ngày, giáo sư Ueno và con chó Akitas đến trạm ga xe lửa Shybuya; ông đi dạy học, còn chú chó chờ chủ về. Thế nhưng, vào ngày 21 tháng 5 năm 1925, giáo sư Ueno đã ra đi mà không trở về. Không hề hay biết chuyện gì đã xảy ra với chủ mình, chú chó Akitas đã vẫn ngồi chờ đợi chủ tại sân ga Shybuya cho tới lúc nó qua đời năm 1935. Trung thành chờ đợi chủ trong vòng 10 năm quả thật là sự phi thường đối với một con vật. Thế mới hay, phẩm tính trung thành và chung thủy

không chỉ tìm thấy nơi con người, nhưng còn cả trong loài vật nữa. Hay nói cách khác, loài vật cũng góp phần làm cho phẩm tính trung thành thêm đẹp và khơi gợi con người hãy sống trung tín và chung thủy với nhau, đặc biệt trong lúc gặp khó khăn thử thách.

* * *

Một cựu tù nhân lương tâm kể lại rằng. Trong một ngày bị biệt giam u ám, buồn tủi cho thân phận tù đầy. Anh thấy một con kiến bò vào phòng giam. Bất chợt anh đưa tay “chẹt” nó, nhưng anh liền rút tay lại vì hối hận hành động hơi tàn nhẫn của mình – giết con kiến vô tội. Vì chuyện lỡ “chẹt” con kiến, hậu quả là con kiến bị gãy một chân và phải lê từng bước chậm chạp đau đớn. Xấu số hơn, con kiến càng lê la đau đớn, thì càng bị lún vào một vũng nước nhỏ còn sót lại trên nền phòng giam. Người tù nhân nhìn con kiến bắt lực vũng vầy trong vũng nước – càng nhìn con kiến, càng thăm trách mình: Sao mình tàn nhẫn hại kiến con! Người tù nhân muốn cứu con kiến ra khỏi vũng nước, nhưng cũng e sợ mình có thể làm kiến con thêm đau và gãy chân còn lại. Con kiến bắt lực vũng vầy. Tù nhân trách mình, bắt lực vì không cứu được con kiến. Hai bên cứ nhìn nhau, nhìn nhau, không biết nên trách hay nên hờn...

Lạ thay, một lúc sau, người tù nhân thấy một con kiến khác đi thẳng vào phòng giam; nó đi thẳng vào vũng nước và cống con kiến bị què ra khỏi vũng nước; ra khỏi phòng giam; và ra khỏi cửa tù. Oà một tiếng, người tù nhân la lên: “Nó là con kiến, mà còn biết thương nhau, cứu nhau. Mình là con người, sẽ có người cứu mình.” Với kinh nghiệm xảy ra trước mắt, người tù nhân như nhận một luồng sáng của hy vọng trong tuyệt vọng, tự do trong lao tù, niềm tin trong nghi ngờ.

Thế mới hay, loài vật xung quanh dạy cho chúng ta biết bao nhiêu bài học quý giá về cách sống làm người, sống sao cho đẹp. Cứ mỗi bài học ta học được, nó như mời gọi ta nhận ra phẩm chất cao quý mà mình đang mang trong con người, và hãy phát triển nó chứ đừng để lãng quên hay lụi tàn vì cuộc sống bon chen, chật vật. Bài học cho chúng ta hôm nay chính là: Con vật biết trung thành thương nhau, cứu nhau, phương chi là con người! Chú chó Akitas không bỏ chủ mình trong vòng 10 năm – chỉ trung thành thôi, trung thành chờ đợi. Chú kiến trong nhà tù cũng không bỏ bạn mình, cứu bạn mình khi bạn gặp nguy khó. Vậy nếu con vật còn biết quan tâm chung thủy và trung tín với nhau như thế, thì hẳn nhiên, con người được phủ bẩm đặc tính trung tín chung thủy sẽ còn trung tín thương nhau hơn gấp bội lần.

Bạn thân mến, đặc tính cao đẹp này đã có sẵn trong mỗi con người, không phải như là món quà mà ta trang điểm thêm vào người của ta, nhưng chúng đã được phủ bẩm để sống và làm trọn phận người. Đừng để những đặc tính tốt đẹp của bạn bị lụi tàn vì sự bận rộn, bon chen trong cuộc đời. Đời bạn giàu không phải vì số tiền bạn có, nhưng có lẽ là niềm vui bạn sở hữu. Đời bạn vui có lẽ không phải vì bạn cười nhiều, nhưng có lẽ hành động của bạn giúp người khác cười.

Chúng ta hãy cầu chúc nhau sống chung thủy và trung tín với nhau trong gia đình, người thân, và bạn hữu bằng những hành động quan tâm chia sẻ cho nhau.

Fr. Huynhquảng

VỀ MỤC LỤC

THA NHÂN LÀ HÓA NGỤC: LÀM SAO HÓA GIẢI?

(Trích tập san GHXH tập 10)

Minh Hiền

TỪ “NGƯỜI KHÁC LÀ HỎA NGỤC” ...

“Tha nhân là hỏa ngục” là câu nói nổi tiếng của triết gia hiện sinh Jean-Paul Sartre người Pháp thế kỷ 20.

Đôi khi tôi cũng tức giận vợ con, đồng nghiệp, đồng đạo. Lúc ấy thấy họ dễ ghét nhường bao. Tức họ quá, tôi phạm tội chửi thề. Có khi tức khí cảnh hồng, tôi xuất chưởng ra chiêu “thượng cẳng chân hạ cẳng tay”. Nặng hơn thì chia tay, ly thân, ly dị vợ. Ở cơ quan thì tố cáo người ấy hoặc đâm sau lưng cho nó thân bại danh liệt. Ở nhóm đạo thì tôi sẽ bỏ nhóm để khỏi nhìn thấy cái mặt mặt. Ở dòng tu, chịu không thấu cái hỏa ngục ấy thì về với thế gian.

Báo Tuổi Trẻ số ra ngày 1/8/2013 đưa tin: Bác sĩ CŨNG đánh nhau (trong bệnh viện).

Ở Vatican, người phục vụ Đức Giáo Hoàng Biển Đức XVI từng gây nỗi đau lớn lao cho Ngài.

Chiến tranh khắp nơi trên thế giới, chiến tranh liên miên.

Bất công tràn lan.

Làm người Việt Nam lúc này, là phải thấy và phải chịu đau khổ vì có rất nhiều "hỏa ngục" trong kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật (?).

Khi lòng ta xốn xang coi người khác là hỏa ngục thì chính ta một ngày nào đó cũng trở thành hỏa ngục! (vì ta cũng là “tha nhân” với người khác).

Vậy, phải tập coi người khác là ngôi vị để tránh được ma quỷ trong lòng ta.

đến... “NGƯỜI KHÁC LÀ NGÔI VỊ”

Thời xưa Vua là “ngôi” vua cao nhất của quyền lực và danh vọng.

Con người là một “ngôi” cao quý nhất vì: "Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa" (St 1, 27).

Sách Tóm lược Học thuyết Xã hội Giáo hội Công giáo số 109 khẳng định: "Con người là một ngôi vị do Chúa tạo dựng để liên hệ với Ngài, chỉ trong mối liên hệ này, con người mới tìm được sự sống, mới thể hiện chính mình và hướng về Thiên Chúa một cách tự nhiên".

Linh mục John A. Hardon trong Tự điển Công Giáo cho ta thấy người "ngôi vị" là người có lý trí, trí khôn, cá tính, trách nhiệm và quyền hạn đặc biệt.

Tổng Giám mục Jean-Louis Brugès trong Tự điển Luân lý Công giáo nhấn mạnh rằng, người "ngôi vị" có hai khả năng: khả năng đón nhận Thiên Chúa và khả năng hiểu biết và yêu thương.

Vậy phải xử sự thế nào khi thấy người khác tạo "hỏa ngục" cho mình?

Vũ khí phản công: CÔNG BẰNG - LIÊN ĐỐI - YÊU THƯƠNG

Có khi dường như ta thấy họ tạo hỏa ngục cho xã hội, giáo hội, cộng đoàn, nhóm.

Giáo huấn Xã hội dạy ta phải dám "tố cáo, đề nghị, dấn thân" (Sđd, 6) khi thấy có vi phạm công bằng và tình yêu. Ta là ngôi vị mà, ta có trách nhiệm. "Nhân loại phải cùng nhau gánh lấy trách nhiệm".

Sách Tóm lược học thuyết Xã hội Giáo hội Công giáo số 201 mời gọi ta "tôn trọng những hình thức cổ điển nhất của công bằng: công bằng giao hoán, công bằng phân phối, công bằng pháp lý. Càng ngày người ta càng coi trọng công bằng xã hội".

Vậy để phá cái vòng lẩn quẩn oan nghiệt "tha nhân là hỏa ngục với ta, ta là hỏa ngục với tha nhân" đang tràn lan trong lòng người và tàn phá xã hội, chúng ta phải thực hành khẩn cấp nhân đức công bằng, liên đới và yêu thương (vì kẻ gây hỏa ngục cũng là các ngôi vị có lý trí, trách nhiệm, tự do, có khả năng yêu thương và hiểu biết).

Giống như ba anh em vườn Đào kết nghĩa, công bằng cũng cần liên thủ bộ ba: "*Tự một mình, công bằng không thôi thì chưa đủ, phải mở ra cho công bằng chân trời mới về liên đới và yêu thương*" (Sđd, 203).

Vậy những người ưu tư công lý phải ứng phó, hóa giải với hỏa ngục (trước nhất ở trong lòng mình "Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng!") bằng bộ ba công bằng, liên đới và yêu thương:



Lấy công bằng hóa giải bất công; ♣

Tạo dựng các "cơ cấu liên đới" để ứng phó với các "cơ cấu của ♣ tội"; và

Đem yêu thương vào nơi oán thù. ♣

Đức Giáo hoàng Gioan XXIII nói: "Tôi phải sửa nơi tôi tật xấu mà tôi thấy khó chịu nơi người khác". Ngài là mẫu gương hàng ngày cho tôi noi theo.

VỀ MỤC LỤC

Ý niệm « sống lại » trong Thánh-Kinh Cựu Ước và trong tư tưởng Do-thái vào thời đầu Tây lịch kỷ nguyên.

Trần Văn Toàn

Mấy nhận xét tổng quát

1) Nên chú ý là những kiểu nói « sống lại » , « phục sinh » hay « phục hoạt » mà ta quen dùng, thì chưa nói lên đủ ý về niềm tin của chúng ta, vì đây không phải là sống đi sống lại, hết kiếp này sang kiếp khác, như quan niệm luân hồi của người Ấn-độ, cũng không phải là « trường sinh » do thuốc tiên của Đạo giáo, lại cũng không phải là « bất tử » như người Hi-lạp quan niệm về thần linh, hay là chu du đến miền cực lạc ở Tây phương xa vời. Mấy quan niệm đó chú trọng đến thân phận cá nhân của con người sẽ ra làm sao. Quan niệm mà chúng ta nói ở đây, đành rằng có liên quan đến thân phận cá nhân, nhưng cốt yếu là nhằm vào mối liên lạc thân tình giữa ta và ai khác, là một vị tuyệt đối khác hẳn và ở bên kia thế giới hình sắc này.

Thường thường các tôn giáo trình bày quan niệm của mình về thế giới bên kia, về cái bờ bên kia – bỉ ngạn – như là một chân lý dĩ nhiên, vĩnh viễn đã có sẵn như thế ở ngoài tầm hiểu biết của con người phàm tục, nhưng bỗng dưng có một vị thần trí hay một thánh nhân khả kính nào đó, thông hiểu mọi việc trời đất, lại có từ tâm, dạy cho tín đồ biết ngay và biết hết một cách tường tận, chỉ cần cúi đầu không suy nghĩ, nhắm mắt tin theo, là đạt chân lý tuyệt đối một cách dễ dàng. Có nhiều tôn giáo dạy cho tín đồ biết rất tỉ mỉ về thế giới bên kia, y như ở thế giới này, có những sự vật, những nhân vật như thế nào, và sau khi chết người ta phải đi qua những chặng đường nào và phải xử sự làm sao để thoát hiểm.

Quan niệm của đạo Do-thái và đạo Thiên Chúa thì tránh không nói nhiều đến những điều ở ngoài trí tưởng tượng của con người, tránh không gán cho thế giới bên kia những điều ta quen biết ở thế giới này. Thậm chí còn cấm tuyệt không được tìm những bí thuật, như đồng bóng, để liên lạc với thế giới bên kia, để tiên đoán, để bói toán về số phận con người.

Vì thế quan niệm « sống lại », quan niệm đạo Do thái và đạo Thiên Chúa về thân phận con người ở thế giới bên kia – cũng như quan niệm về chính Thiên Chúa – không phải đã sẵn có như thế, rồi ngày một ngày hai từ trời đem xuống. Nó đã được thành hình dần dần trong nhiều giai đoạn của lịch sử dân Chúa, sau khi người ta trải qua nhiều biến cố đặc biệt đầy ý nghĩa, sau khi nhận ra cái sở đoản của các giải pháp hợp lý đã được hiện nhân quân tử đó đây nêu ra, và sau khi người ta nhận ra quan niệm đang thành hình đó như là một tin tưởng về cuộc đời đem lại cho nhân sinh của ta một ý nghĩa vượt ra bên ngoài thế giới này. Tin tưởng đó không có tính cách bó buộc như là một hiện tượng tất yếu trong thiên nhiên, người ta có thể tự do thuận theo hay là không thuận theo. Từ đó mới suy nghĩ để giải thích và tìm ngôn từ để nói lên sao cho hợp, trình bày sao cho ai nấy hiểu ra được, rồi theo đó mà hành đạo cho đúng đường lối. Tuy vậy ngôn từ quen dùng trong thế giới này thì có nhiều, nhưng khi dùng để nói về thế giới bên kia, thì thường cũng là bất cập, nói lên không hết ý, không đúng hẳn, vì thế phải chấp nối dùng nhiều ngôn từ, nhiều hình ảnh tượng trưng.

Nên chú ý : niềm tin tưởng đó căn cứ vào một quan niệm lạc quan về nhân sinh, không vô định mà cũng không tất định. Nghĩa là : người ta sinh ra ở đời, không phải là do ngẫu nhiên biến hóa một cách vô tình, vô định như thế, cũng không phải là do nhân quả báo ân báo oán một cách tất định, nhưng là do một vị thượng trí an bài (không vô định), vừa chú tâm vào vận mệnh con người (không vô tình), vừa để con người tự do lựa chọn (không tất định). Cho nên khi nói « sống lại », thì tất cả những kiểu nói khác nhau đều cùng nhằm nói lên con người sẽ ra sao, tùy theo liên lạc thân mật hay không với Thiên Chúa. Và khi nói lên như thế, bao giờ người ta cũng nói lên từ những hình ảnh của nhân sinh quan thông thường của thời đại.

2) Có thể nói là quan niệm « sống lại » đã xuất hiện khá muộn trong tư tưởng Do-thái, nghĩa là sau khi mất nước và bị đem đi đầy ở Ba-bi-lôn (thế kỷ VI trước TLKN), và nhất là vào thời dưới quyền đô hộ của người Hi-lạp (thế kỷ III-II trước TLKN). Trước đó người ta đã tin Thiên Chúa trong nhiều thế kỷ, mà chưa thấy cần phải tin có « sống lại » ở đời sau. Vì lẽ rằng người ta vẫn còn giữ quan niệm cổ sơ, cũng giống như quan niệm của người Hi-lạp cổ, nghĩa là vẫn tin rằng khi người ta chết đi thì xuống âm phủ. Ở cõi âm, người ta như là một cái bóng tàn, không còn khí lực hoạt động gì được, không còn trí nhớ, không nhận ra ai cả, cũng không nhận

ra mình là ai nữa. Vì thế cho nên quan niệm rằng hành vi thiện ác đều có các thứ thưởng phạt ở trong thế gian này cả. Ai ở hiền thì mong gặp lành ở đời này, như « đa tử đa tôn đa phú quý, đắc tài đắc lộc đắc trường sinh ».

Điều cốt yếu là từ mấy thế kỷ trước khi mất nước, người Do-thái đã tin Thiên Chúa có từ tâm và có quyền lực, đã giải phóng cho dân tộc và giao ước đặc biệt với tổ phụ của dân tộc, và nhất là tin rằng dù sao Thiên Chúa cũng vẫn trung thành giữ lời giao ước, làm cho người ta về sau này, cả trong những giai đoạn khủng hoảng cùng cực, như khi nước mất nhà tan, khi cá nhân bị hủy hoại một cách oan ức vô lý, thì cũng vẫn còn có thể hi vọng và trông cậy một cách tuyệt đối.

Về đề tài nêu ra trên đây, có hai cuốn sách nghiên cứu tỉ mỉ đem lại nhiều tài liệu quý giá : một là cuốn sách Sống lại, Bất tử, Hằng sống của Nickelsburg□, hai là cuốn sách Cuộc sống sau khi chết của Cavallin□. Cả hai tác giả cùng chống lại một quan niệm quá thông thường, nhưng lại quá đơn giản, cho rằng nhân sinh quan của người Do-thái và của người Hi-lạp khác nhau ở chỗ là một bên thì có tính cách nhất nguyên – coi con người là một thực thể thống nhất – còn bên kia thì chủ trương nhị nguyên – coi con người là hai thực thể ghép vào nhau nhưng rất khác nhau : hồn là tinh anh bất tử, xác là vật chất có thể hư nát□. Hai tác giả ấy nói đúng, vì một bên thì nhân sinh quan của đạo Do-thái và của đạo Thiên Chúa đã thay hình đổi dạng nhiều lần trong lịch sử, một bên thì trong văn hóa Hi-lạp, ai nấy đều biết là các học phái Platôn, Aristôtêlês, và các học phái khác-kỷ Stoa, học phái duy-lạc Êpikuros, đều không có một nhân sinh quan như nhau.

Sách của Cavallin nặng về khuynh hướng phân tích. Ông chia các bản văn thành năm loại : một là các bản văn của Thánh-Kinh viết bằng tiếng Híp-ri (Do-thái), hai là các bản văn có khuynh hướng Khải huyền (Apocalypsis) đã được soạn ra trên đất Palestina, ba là các bản văn viết bằng tiếng Hi-lạp của người Do-thái di tản ra bên ngoài Palestina và lập nghiệp ở chung quanh Địa-trung-hải, bốn là các bản văn chú giải Thánh-Kinh của các thầy nho sĩ Do-thái (Rabbi), năm là những bản văn phủ nhận quan niệm có đời sống khác sau khi người ta chết. Mỗi bản văn được ông đặt vào hoàn cảnh và môi trường của nó để nghiên cứu. Tuy muốn phân tích hơn là tổng hợp, nhưng về cuối sách, ở trang 197, ông cũng phác họa ra một bảng đối chiếu, trong đó ông đưa ra 20 ý kiến làm tiêu chuẩn, để xem các tác giả của 30 bản văn quan trọng, mỗi người quan niệm về sự « sống lại » như thế nào, có những ý kiến nào và thiếu những ý kiến nào. Kết quả là ta có thể phân biệt ra chừng hai, ba mươi quan niệm khác nhau ít hay nhiều về sự « sống lại », có những điểm giống nhau, lại có những điểm trái nghịch nhau. Nói thể khác trong giai đoạn nghiên cứu đó thì người ta không có một quan niệm duy nhất về sự « sống lại ».

Sách của Cavallin, vì quá nặng về phân tích, cho nên có cái nhược điểm là không cho ta thấy các yếu tố làm thành mỗi quan niệm ăn khớp với nhau như thế nào, cũng không giải thích được vì sao có nhiều bản văn lại đưa ra một quan niệm giống nhau, và sau cùng không nói lên được sự biến chuyển của mỗi quan niệm, vì các yếu tố dùng làm tiêu chuẩn thì được trình bày riêng rẽ như là ở ngoài thời gian, ở ngoài lịch sử.

Cách làm việc của Nickelsburg có tính cách tổng hợp hơn và vì thế làm cho độc giả thấy rõ cái lý sự của mỗi quan niệm. Những bản văn được viết ra trong những hoàn cảnh giống nhau, hay là trong những cách lập vấn tương tự, thì ông xếp vào thành một loại. Như thế người ta dễ dàng nhận ra các truyền thống đã biến chuyển và phân chia ra thành nhiều môn phái như thế nào. Tuy thế, các bản văn lại cũng có nhiều nguồn gốc, mà cái nhìn quá tổng hợp làm cho người ta dễ quên đi rằng thực tại có phần phiền phức hơn. Dù sao hai lối làm việc của hai tác giả cũng là bổ túc lẫn cho nhau.

Trong khi trình bày, hay hơn cả là nên theo lối dàn bài của Nickelsburg. Tác giả nghiên cứu quan niệm « sống lại » trong bốn trường hợp : một là trong trường hợp đạo giáo bị bách hại, hai là trong trường hợp người công chính bị áp bức, ba là ngoài trường hợp đạo giáo bị bách

hại và người công chính bị áp bức, bốn là trong quan niệm thần học của giáo phái Cum-ran. Thực ra thì trường hợp thứ nhất được bàn bạc nhiều hơn cả, tác giả dành cho nó ba chương, nghĩa là tới một nửa cuốn sách. Vì thế thiết tưởng có thể gộp ba trường hợp sau thành một, gọi là ngoài trường hợp *đạo giáo bị bách hại*.

Trong trường hợp đạo giáo bị bách hại

Về giai đoạn dân Chúa bị nước mất nhà tan, bị đưa đi lưu đày, bị người ngoại quốc, ngoại giáo bách hại, thì có khá nhiều bản văn viết về cái hi vọng được « sống lại ». Nickelsburg chia các bản văn đó thành ba loại : một là những bản văn có tính cách khai huyền (chương một), hai là những bản văn nói lên suy tư của hiền nhân (chương hai), ba là những bản văn bênh vực cho người công chính (chương ba).

Khi dân Do-thái thống nhất quốc gia và được thịnh vượng dưới triều các vua Đa-vít và Sa-lô-môn (thế kỷ X trước TLKN), thì nhận ra rằng Thiên Chúa (Đức Gia-vê) vừa có quyền lực, vừa có từ tâm, và đã giữ lời giao ước với dân Chúa. Nhưng có hai trường hợp làm cho niềm tin đó bị lung lay : đó là khi bị người Ba-bi-lôn phá nước và bắt vua tội đem đi đày (thế kỷ VI trước TLKN) và khi bị vua Antiochus IV Epiphane cấm đạo (thế kỷ II trước TLKN). Thực vậy, đáng lý ra thì hễ dân Chúa trung thành giữ đạo, thì Chúa cho thịnh vượng. Cho nên khi đứng trước những quốc nạn như thế, người ta không khỏi bỡ ngỡ và đặt câu hỏi vì sao.

Trong sách viết về lịch sử các vua Do-thái về trước, người ta theo lập luận « đời cha ăn mặn, đời con khát nước », và nghĩ rằng vì các vua đã bất trung với luật Chúa, cho nên quốc gia điêu tàn. Nhưng lập luận đó đã bị vị ngôn sứ Ê-dê-ki-en bác bỏ vì lẽ cá nhân chịu trách nhiệm về hành vi của mình, chứ không có cái thói « quít làm cam chịu ».

Nhưng khi không tìm ra lý do vì sao, thì người ta bị khủng hoảng tinh thần, có khá nhiều người bỏ đạo, vì lập luận như sau : Nếu Đức Chúa vừa có quyền lực vừa có từ tâm đồng thời biết giữ lời hứa, thì không thể có cảnh điêu tàn như thế. Vậy bây giờ có cảnh điêu tàn, cho nên, một là vì Đức Chúa có quyền lực, nhưng lại không có từ tâm hay là quên lời hứa, hai là vì Đức Chúa có từ tâm và không quên lời hứa, nhưng lại không có quyền lực. Cho nên còn thờ Đức Chúa làm gì nữa ! Đó cũng là lập luận về thần linh mà triết học Hi-lạp đã đưa ra khi đứng trước đau khổ hỗn loạn trong cuộc đời.

Sau cuộc khủng hoảng như thế, còn một phần nhỏ, một phần còn lại của dân Do-thái vẫn trung thành giữ đạo. Dĩ nhiên là vì đã có những vị lãnh đạo giúp cho họ tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi hóc búa trên đây.

Câu trả lời thứ nhất là của phong trào khai huyền (Apocalypsis). Các bản văn thuộc loại này được xếp chung quanh cột trụ là bản văn Đa-ni-en 12, 1-3. Theo như Nickelsburg, thì phong trào đó chủ trương rằng phải chờ cho đến ngày tận thế thuộc về thời cùng tận, thời thối-mạt, lúc đó « trong số những kẻ an nghỉ trong bụi đất, nhiều người sẽ trỗi dậy, người thì để hưởng phúc trường sinh, kẻ thì để chịu ô nhục mà bị ghê tởm muôn đời. Các hiền sĩ sẽ chói lọi như bầu trời rực rỡ, những ai làm cho người người nên công chính, sẽ chiếu sáng muôn đời

như những vì sao » (Đn, 12, 1-3) ». Như thế có nghĩa là thân xác người ta sẽ sống lại, rồi Đức Chúa sẽ phán xét tất cả mọi người.

Các yếu tố đó đã có trong truyền thống về trước, nhất là truyền thống I-sai-a, báo trước là sẽ có phán xét trừng trị những người ngoại bang đàn áp dân Chúa, và dân Chúa sẽ sống lại, nghĩa là sẽ được phục hưng (Is 13-14 và 25-27). Ngoài ra còn báo trước là tội tở Chúa trước đây bị khổ nhục thì sẽ được đề cao.

Có một chi tiết quan trọng làm cho hai bản văn, trên đây khác nhau : khi sách I-sai-a (26, 19) dạy rằng : « Các vong nhân của Ngài sẽ sống lại, xác họ sẽ đứng lên », thì đó cũng như trong niềm hi vọng của Hô-sê (6, 1-2) hay là trong thị kiến (vision) của Ê-dê-ki-en (chương 27), thấy những bộ xương khô lại có được da thịt và sống lại, tất cả đều là những hình ảnh tượng trưng nói về cuộc phục hưng của dân Israel ; còn trong sách Đa-ni-en thì nói về cá nhân những người công chính, trung thành với đạo giáo mà bị bắt bớ giam cầm giết lát.

Có một số sách cùng một loại như sách Đa-ni-en, thì cũng đi theo một hướng, nhưng có một vài chi tiết hơi khác. Sách Niên lịch các ngày đại lễ (Livre des Jubilés, 23, 27-31) thì có lẽ chịu ảnh hưởng văn hoá Hi-lạp cho nên nói rằng tinh thần được sống lại. Sách Chúc thư của tổ phụ Giu-đa (chương 25) thì cũng nói đến những người công chính được sống lại, nhưng còn thêm vào đó rằng khi dân Chúa được phục hưng thì các thánh tổ phụ cũng được sống lại. Sách Mô-sê thăng thiên (Assomption de Moïse, chương 10) nói đến những hiền sĩ được nâng cao lên tận các ngôi sao, nhưng không nói đến ai sống lại cả.

Nói tóm lại thì các sách trong khuynh hướng khai-huyền thì thật có nói đến sống lại, nhưng coi đó như là một giải pháp đặc biệt cho một trường hợp đặc biệt, đó là trường hợp những người công chính bị bắt bớ : những người đã mất mạng, mất thân xác, vì đạo giáo, thì nay được đền bù lại, thân xác họ sẽ sống lại để dự cuộc phán xét ; mà phán xét chẳng qua cũng chỉ là vì hoàn cảnh đặc biệt như thế, chứ không phải là một biến cố phổ thông, chung cho cả trời đất.

Câu trả lời thứ hai là giải đáp của các sách thuộc nhóm các nhà hiền sĩ. Trong các sách đó có kể nhiều truyện theo cùng một mẫu những truyện dạy khôn ngoan. Đại ý kể truyện những người công chính bị bắt bớ, bị kỳ thị, rồi sau được hồi phục, còn những kẻ hành hạ những người ấy, thì có khi bị phạt, có khi không. Ta có thể đan cử ra đây một bài truyện như : truyện ông Giu-se (Sách Sáng thế, chương 37-50), áng thơ về người tội tở của Đức Chúa (Sách I-sai-a, chương 52-53), truyện bà Esther (Sách Esther), truyện bà Su-san-na (Sách Đa-ni-en, chương 13), vân vân.

Có một chi tiết đặc biệt là trong các truyện dạy khôn ngoan thì thường kể truyện người công chính bị bắt bớ, bị kết án, nhưng không bị chết, vì đến phút cuối cùng thì họ được cứu sống, được minh oan và được hồi phục trong cuộc sống này. Còn trong I-sai-a, chương 52-53 và trong Sách Khôn ngoan chương 4-5, thì người công chính (hiền sĩ, ngôn sứ hay là tội tở Đức Chúa) bị bắt bớ, bị kết án và bị xử tử : trong tình trạng ấy thì không thể có phục hồi trong cuộc sống này được, mà vì thế họ sẽ được phục hồi trong thế giới bên kia hay là trong thiên giới.

Đặt vào trong trường hợp những người đã chết, đã bỏ mình, vì đạo giáo, thì câu truyện người công chính bị bắt bớ rồi được hồi phục, mở ra một viễn tượng mới : đó là viễn tượng được đền bù, được thăng thưởng, được đề cao sau khi chết. Thực ra người hiền sĩ cũng chính là người công chính , vì trong Cựu Ước thì sự Khôn ngoan cũng là một tên khác để gọi Lễ luật của Chúa. Vì thế có thể nói : cái tính bất tử mà sự khôn ngoan hay là lễ luật Chúa đem lại cho người hiền sĩ hay là người công chính, thì cũng chính là một cuộc sống cao cả, bền vững hơn cái cuộc sống vật chất ở đời này□. Do đó ta hiểu vì sao những người công chính, dù họ có bị mất mạng, thì họ vẫn được sống muôn đời (Sách Khôn ngoan, 5, 15), và những người độc ác, một khi đã mở mắt trông thấy sự thật, thì đã nói với nhau rằng : « Cũng thế mà thôi, bọn chúng mình : thoát sinh ra thì đã biến mất » (Sách Khôn ngoan, 5, 13). Thế mới biết, sống chết cũng có nhiều bậc nhiều loại khác nhau. Chính vì căn cứ vào lối phân biệt này mà về sau này các vị giáo-phụ của đạo Chúa Giê-su như Ô-ri-ghe-nê hay là thánh Am-brô-si-ô mới phân biệt cái chết ra làm ba loại.

Câu trả lời thứ ba là do những suy tư của người tín hữu về những biến cố xảy ra trước mắt. Ví dụ như trong Sách Ma-ca-bê, quyển thứ hai, có kể truyện trước khi ông Ê-lê-a-da cùng với một gia đình một mẹ và bảy người con trai chịu chết vì đạo giáo, thì họ đã có những suy tư rất thâm trầm về sự sống lại. Những suy tư đó ăn rễ vào áng thơ « người tôi tớ Chúa » trong sách I-sai-a, vì những người chịu chết vì đạo giáo được gọi là tôi tớ Chúa.

Câu truyện đó ta đã nghe biết, cho nên không lạ gì nữa. Ở đây ta chỉ cần ghi lấy những điều các người đó đã nói lên trước khi bị gia hình. Ý kiến thứ nhất là những người chịu chết vì đạo giáo như thế chính là dân tộc Israel đang chịu đau khổ vì tội lỗi của mình (2 Mcb 7, 18 + 32), nhưng vẫn tin chắc chắn rằng Đức Chúa sẽ không bỏ rơi dân riêng của Ngài và rồi đây những kẻ hành hạ dân Chúa sẽ bị trừng trị (2 Mcb 7, 16 + 33). Những điều đó sẽ được thực hiện trong cuộc chiến thắng của ông Giu-đa Ma-ca-bê và cái chết ghê sợ của vua An-ti-ô-khô. Niềm hi vọng sẽ được sống lại, thì là vì những người đó đã chết vì đạo giáo (2 Mcb 7, 9) : thân xác được sống lại là để đền bù cho cái thân xác đã chịu tra tấn xẻo cắt. Hiểu như thế thì việc sống lại có liên quan đến một trường hợp đặc biệt có bất công, chứ không phải là chung cho mọi người, vì kẻ hành hạ dân Chúa không có sống lại (2 Mcb 7, 14).

Còn hai ý kiến nữa cũng được bà mẹ bảy người anh em nói lên. Bà này tượng trưng cho bà mẹ Xi-ôn, tức là mẹ của dân Chúa đang bị bách hại, như trong Sách I-sai-a *phần thứ ba và trong Sách Khải huyền của (ngôn sứ) Ba-rúc* □. Ý kiến thứ nhất : niềm tin sẽ sống lại thì tựa vào niềm tin Thiên Chúa tạo thành trời đất : « Chính Đấng Tạo Hóa càn khôn đã nắn đúc nên loài người, và đã sáng tạo nguồn gốc muôn loài, chính Người do lòng thương xót, cũng sẽ trả lại cho các con hơi thở và sự sống, bởi vì bây giờ các con trọng Luật Lệ của Người hơn bản thân mình » (2 Mcb 7, 23). Quan niệm này bắt nguồn từ I-sai-a (Is 43, 1+2+6+7 ; 44, 1+2 ; 46, 3+4), đã đem lại cho niềm tin sống lại một nền tảng phổ thông, chung cho mọi người, chứ không riêng cho một trường hợp đặc biệt. Ý kiến thứ hai : sống lại cũng là phục hưng lại cộng đồng tín hữu : « Các con đừng sợ tên đao phủ này ; nhưng hãy tỏ ra xứng đáng với các anh con, mà chấp nhận cái chết, để đến ngày Chúa thương xót, Người sẽ trả con và các anh con cho mẹ » (2 Mcb 7, 29).

Còn tiếp kỳ sau

ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN – Vấn đề 15 - GIÁ TRỊ CỦA SỰ CẦU NGUYỆN

VẤN ĐỀ 15: *Bạn là người tin có Thiên Chúa. Vậy khi bạn đau ốm mà chỉ cầu khẩn suông thì có được Chúa cho khỏi bệnh không? Hoặc khi bạn đói mà chỉ cầu nguyện thì Chúa có ban cho bạn cơm bánh không? Còn tôi, tôi chẳng cần phải tin có Chúa hay thần Phật nào cả, thế mà tôi đâu có thua gì bạn? Khi đau ốm, tôi chẳng cần cầu xin ai, mà chỉ cần uống thuốc cũng khỏi. Khi đói tôi cũng chẳng cần khẩn ai mà chỉ cần làm việc là có ăn. Như vậy, tin thờ Thiên Chúa là hành động vô ích và ngu ngốc.*

Hơn nữa, cầu xin Thiên Chúa ban ơn phúc còn là một thái độ nô lệ, mất tự do, bị vong thân, và mất quyền làm chủ đời mình.

GIẢI ĐÁP:

Một số người đã quan niệm sai lầm về đức tin tôn giáo: Theo họ thì đức tin chính là một phương thế để con người dễ dàng thỏa mãn các nhu cầu mà không phải vất vả nhiều. Khi muốn được Thiên Chúa ban ơn, họ chỉ cần dâng ít hoa trái, nhang đèn, tiền bạc, kèm theo lời khẩn nguyện giống như niệm thần chú, là hy vọng sẽ được thỏa mãn yêu cầu. Bên cạnh những người mê tín nói trên, một số khác lại dựa vào khoa học để phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa và phi bác việc cầu nguyện. Theo họ, không có Thiên Chúa hay thần linh nào cả. Muốn thỏa mãn các nhu cầu, người ta chỉ cần tuân theo quy luật tự nhiên là đủ. Chẳng hạn: Muốn có lương thực, không cần phải cầu xin ai, chỉ cần lao động theo kỹ thuật và hợp thời vụ là đủ; Khi bị bệnh không cần phải cầu khẩn ai mà chỉ cần uống thuốc theo toa bác sĩ sẽ khỏi... Từ đó họ đi đến kết luận: tin thờ Thiên Chúa là việc làm vô ích ngu ngốc, bị vong thân và mất quyền làm chủ đời mình...

Vậy ý nghĩa đích thực của cầu nguyện là gì? Thái độ cầu xin Thiên Chúa phải chăng là một việc làm vô ích, ngu ngốc, bị vong thân và mất quyền tự chủ ?

1. CẦU NGUYỆN LÀ GÌ?

Cầu nguyện là một hành vi của người có đức tin. Là một cuộc nói chuyện tâm sự giữa con người với Thiên Chúa như con cái thưa chuyện với cha mình. Qua đó, họ **ngợi khen** những kỳ công Thiên Chúa đã làm, **cảm tạ** những ơn lành Ngài đã thương ban, **ăn năn** sám hối tội lỗi đã trót phạm, **phó thác** cậy trông vào tình thương cứu độ của Chúa, và cuối cùng là **cầu xin** Chúa ban ơn lành hồn xác cho mình và tha nhân.

2. GIÁ TRỊ CỦA SỰ CẦU NGUYỆN:

Cầu nguyện là một hành vi cao quý và khôn ngoan của con người có lý trí. Cầu nguyện không làm cho con người bị vong thân, mất quyền làm chủ đời mình như có người lầm tưởng:

a) Cầu nguyện là một hành vi cao quý:

Cao quý vì là **thái độ nhân linh**: chỉ con người mới có khả năng suy luận, mới biết đặt câu hỏi “tại sao” trước mọi vấn đề... Triết gia Blaise Pascal (1623-1662) trong tác phẩm Suy tư (La Pensees) đã đề cao giá trị của con người biết suy tư như sau: “Con người chỉ là một cây sậy yếu đuối trong tự nhiên... Chỉ cần một chút hơi, một giọt nước cũng đủ kết liễu cuộc sống của nó. Tuy nhiên con người vẫn cao quý vô cùng, vì con người biết suy nghĩ, đang khi vũ trụ tuy to lớn nhưng lại chẳng biết gì...”.

Cao quý vì là **thái độ hiếu thảo**: Chỉ con người mới có lòng hiếu thảo **biết ơn Thiên Chúa thể hiện qua lời cầu nguyện**, giống như con cái thừa chuyện với cha mẹ của mình.

b) Cầu nguyện là một hành động khôn ngoan:

Khôn ngoan khi biết tự lượng sức mình và biết tiên liệu: Thực vậy, trong đời sống thường ngày, mỗi khi đứng trước một công việc lớn lao, người khôn ngoan sẽ biết suy nghĩ và sẵn sàng nhờ cậy người khác trợ giúp. Cũng thế, người tín hữu khi đứng trước một công việc trọng đại vượt quá sức tự nhiên, sẽ biết khôn ngoan xin ơn Chúa giúp như Đức Giê-su đã dạy môn đệ cậy nhờ vào sự trợ giúp của Người: “Vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15,5c).

3. NHỮNG ĐIỀU NÊN LÀM VÀ NÊN TRÁNH KHI CẦU NGUYỆN:

1) Cần tránh thói lười biếng ỷ nại nhưng biết cộng tác với Thiên Chúa để làm mọi việc phù hợp với quy luật thiên nhiên do Thiên Chúa đã an bài:

-Tuy ý thức Thiên Chúa toàn năng có thể làm được mọi sự, nhưng các tín hữu **phải tránh thái độ lười biếng ỷ nại khi chỉ biết cầu khẩn suông mà không chăm chỉ làm việc để đạt được mục đích**. Thiên Chúa đã dựng lên loài người có trí khôn và tay chân... không phải để họ khoanh tay đứng nhìn, nhưng để họ cộng tác với Ngài làm chủ thiên nhiên, như Ngài đã truyền cho nguyên tổ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời và mọi giống vật bò trên mặt đất” (St 1,28).

-Loài người **phải tuân theo những định luật thiên nhiên do Chúa đã an bài**. Chẳng hạn: khi đau ốm phải biết tìm cách chữa trị; Muốn có lương thực phải biết gieo trồng đúng thời vụ và dựa theo luật tự nhiên do Thiên Chúa đã an bài. **Thiên Chúa chỉ làm phép lạ trong một vài trường hợp thật đặc biệt** nhằm để biểu lộ quyền năng hoặc củng cố đức tin cho con người mà thôi.

2) Cần tránh đòi Thiên Chúa phải đáp ứng mọi nhu cầu theo ý riêng mình, nhưng phải sẵn sàng tuân theo ý Chúa:

-**Vì sẽ là điều vô lý**: Giả như một người xin Chúa cho trời mưa để ruộng mới gieo giống có thể nảy mầm, đang khi người khác lại xin Chúa cho nắng ráo để sân lúa đang phơi được mau khô... Hoặc một người bán hòm người chết xin Chúa cho bán đắt hàng, đang khi người có thân nhân đau nặng lại xin Chúa cho mau khỏi bệnh... thì khi ấy không biết Thiên Chúa sẽ phải nghe lời cầu xin của ai ?

-**Vì sẽ gây mất trật tự**: Nếu Thiên Chúa phải đáp ứng mọi lời cầu để thỏa mãn theo nhu cầu của con người thì mọi sự sẽ trở nên hỗn loạn: Các quy luật thiên nhiên như thời tiết nắng mưa, mùa màng... sẽ thay đổi liên tục và xã hội chắc chắn sẽ mất an toàn trật tự.

-**Trong thực tế** người tín hữu sẽ năng cầu xin Thiên Chúa ban ơn theo thánh ý Thiên Chúa thay vì đòi Chúa phải thỏa mãn theo ý riêng noi gương Đức Giê-su trong vườn Ghết-sê-ma-ni đã cầu nguyện như sau: “Cha ơi, nếu được, xin cho chén này rời khỏi con. Nhưng xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha” (Mt 26,39). Khi đau ốm các tín hữu chúng ta hãy cầu xin Chúa cho được “gặp thầy gặp thuốc” và sẵn sàng hợp tác uống thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ.

4. GIẢI ĐÁP VẤN ĐỀ:

1) Phải ưu tiên tuân theo quy luật thiên nhiên của Thiên Chúa: Con người dù tin hay không tin Thiên Chúa cũng đều phải tuân theo các quy luật tự nhiên do Thiên Chúa đã an bài: Muốn có lương thực phải gieo trồng đúng thời vụ hợp với khoa học kỹ thuật. Muốn khỏi bệnh cần chữa trị tại bệnh viện và uống thuốc theo chỉ dẫn của thầy thuốc. Ngoài ra, người tín hữu còn phải cầu xin Chúa cho được gặp thầy gặp thuốc để mau khỏi bệnh.

2) Thiên Chúa muốn các tín hữu vừa phải cầu xin, lại vừa phải theo các quy luật thiên nhiên: Thiên Chúa chỉ can thiệp làm phép lạ khi muốn chứng tỏ quyền năng của Ngài, hoặc để củng cố đức tin của các tín hữu mà thôi.

Trong Tin Mừng, **Đức Giê-su đã làm nhiều phép lạ nhằm mục đích ấy** như sau: Người biến nước lã thành rượu nho tại tiệc cưới thành Ca-na để **“Bày tỏ vinh quang của Người, và các môn đệ đã tin vào Người”** (Ga 2,11); Người truyền cho sóng gió Biển Hồ yên lặng để **các môn đệ nhận biết quyền năng Thiên Chúa của Người**, như các ông đã ngạc nhiên nói với nhau rằng: **“Người này là người thế nào mà cả đến gió và biển cũng tuân lệnh ?”** (Mt 8,27); Người đi trên mặt Biển Hồ trong đêm tối để **mặc khải Thần tính của Người** qua lời Người trấn an các môn đệ: **“Chính Thầy đây, đừng sợ !”** (Ga 6,19-20); Người nhân bánh ra nhiều nuôi năm ngàn người ăn no chỉ với năm cái bánh và hai con cá để **chứng minh sứ vụ Thiên Sai** khiến dân chúng đã thốt lên: **“Hắn ông này là vị Ngôn sứ, Đấng phải đến thế gian (Ga 6,14);**

-Đức Giê-su làm phép lạ để **chứng minh sứ vụ Thiên Sai đã được các ngôn sứ tiên báo**. Chẳng hạn: Để các đầu mục Do thái biết **Người có quyền tha tội dưới đất**, Người nói với kẻ bắt tội: **“Ta truyền cho con: Hãy đứng dậy, vác lấy chông của con mà đi về nhà”** (Mc 2,11). Tin Mừng Mát-thêu cũng viết như sau: **“Có những đám người đông đảo kéo đến cùng Người, đem theo những kẻ què quặt, đui mù, tàn tật, câm điếc và nhiều bệnh nhân khác nữa. Họ đặt những kẻ ấy dưới chân Người và Người chữa lành. Khiến đám đông phải kinh ngạc vì thấy kẻ câm nói được, người tàn tật được lành, người què đi được, người mù xem thấy. Và họ tôn vinh Thiên Chúa của Ít-ra-en”** (Mt 15,30-31).

3) Còn những ai vô tín: cố tình nhắm mắt trước những thực tại chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa và không chịu bày tỏ lòng hiếu thảo biết ơn Ngài, cũng **đừng vội tự mãn về thái độ vô ơn bất nghĩa** của mình. Sở dĩ họ không bị thua kém những người có đức tin về phạm vi vật chất là **do Thiên Chúa nhân từ vẫn đang nhẫn nại chờ đợi họ hồi tâm**. Nhưng lòng nhân từ cũng có giới hạn: **sẽ đến ngày vào lúc họ không ngờ, vào giờ họ không biết, Ngài sẽ gọi linh hồn họ ra trước tòa phán xét**, bấy giờ họ sẽ **không thể bào chữa về thái độ vô ơn bất hiếu, cố tình ngoảnh mặt làm ngơ trước tình thương cứu độ của Thiên Chúa**. Trong dụ ngôn “Mười cô trinh nữ”, chàng rể Giê-su đã nói với năm cô trinh nữ khờ dại **không mang theo dầu đức tin** rằng: **“Tôi bảo thật các cô, tôi không biết các cô là ai cả !”** (Mt 25,12). **Những kẻ vô tín, chỉ lo tìm kiếm của cải vật chất ở đời này sẽ phải nghe lời quở trách của Thiên Chúa như sau: “Đồ ngốc! Nội đêm nay, người ta sẽ đòi lại mạng người, thì những gì người sắm sẵn đó, sẽ về tay ai?”** (Lc 12,16-21). Thái độ vô tín ấy mới thực là **ngu ngốc, bị vong thân và mất quyền làm chủ đời mình**.

LM ĐAN VINH - HHTM

VỀ MỤC LỤC

Sách vở

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi

Tác giả: Anthony de Mello, S.J.

Chỉ dẫn:

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

Lưu ý:

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

LTS. Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

Chủ đề : CHÂN LÝ

230. Sách vở

Một cặp vợ chồng không biết làm gì trước sự ghen tỵ của cậu con trai ba tuổi với đứa con mới chào đời của họ. Họ nghiệm ra vấn đề từ một cuốn sách tâm lý trẻ em.

Ngày kia, khi thằng bé tỏ ra rất khó chịu, người mẹ bảo, “Con hãy cầm con gấu trúc này và nói cho mẹ hay con cảm thấy thế nào với một em bé”.

Theo cuốn sách, cậu ấy sẽ vịn vẹo con gấu đến tả tơi. Nhưng cậu bé ba tuổi lại tỏ vẻ sung sướng nắm lấy chân con gấu đi đến chỗ em gái mình và đánh con gấu vào đầu nó.

گ

231. Bao nhiêu mặc sức

...hay trong lời nói...

“Tôi khát khao được dõng theo đường thiêng liêng”, một người lối xóm nói với Mullah Nasruddin. “Ngài có thể ghé lại nhà tôi và dạy cho tôi được không?”.

Nasruddin không hứa. Ông thấy người đàn ông này khá thông minh nhưng cũng thấy anh ta thật ảo tưởng khi nghĩ rằng, nhà thần nghiệm có thể truyền đạt kiến thức cho kẻ khác qua lời nói.

Vài ngày sau, từ mái nhà, anh hàng xóm gọi, “Mullah, tôi xin ngài giúp tôi thổi lửa. Bếp tôi tắt rồi”.

Nasruddin nói, “Được, tôi sẵn sàng cho anh hơi thổi, nhưng cứ sang đây, anh có thể lấy bao nhiêu mặc sức”.

گ

232. Ôi nghệ thuật!

Một nhạc trưởng đang tập dượt với ban nhạc nói với người chơi kèn trumpet rằng, “Tôi nghĩ phần này cần tiếp cận Wagneria nhiều hơn - nếu anh hiểu được điều tôi muốn nói - một điều gì đó quyết đoán hơn, có thể nói như thế, cao trào hơn, toàn thân hơn, sâu sắc hơn, ...hơn...”.

Nhạc công chơi kèn cắt ngang, “Ý ông muốn lớn hơn?”.

Tất cả những gì người nhạc trưởng tội nghiệp đó có thể nói là, “Đúng, ... đó là điều tôi muốn nói!”.

گ

233. Chỉ có cơ hội

... bằng khẩu hiệu...

Một nhóm tu sĩ có thói quen sử dụng một khách sạn cho những cuộc hội thảo của mình có câu châm ngôn viết to tướng trên tường phòng khách: KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ, CHỈ CÓ CƠ HỘI.

Một người đàn ông đến bàn tiếp tân và hỏi, “Xin lỗi, tôi có một vấn đề”.

Cô thư ký mỉm cười nói, “Thưa ông, ở đây chúng tôi không có vấn đề, chỉ có cơ hội”.

“Cô gọi gì tùy ý”, mắt kiên nhẫn người đàn ông nói, “Nhưng có một phụ nữ trong phòng tôi”.

گ

234. Công dân Mỹ

...trong nhãn hiệu...

Một người Anh di cư đến Mỹ và trở thành công dân Mỹ.

Khi trở lại Anh để nghỉ hè, một trong những người bà con quở trách anh vì đã thay đổi quốc tịch, “Anh được gì khi trở thành một công dân Mỹ?”.

Anh trả lời, “Ồ, chỉ một điều. Tôi thắng Cuộc Cách Mạng Mỹ”.

گ

235. Nga hay Phần Lan

...trong các quy ước...

Khi biên giới Nga và Phần Lan được vạch lại, người ta báo cho một nông dân rằng, đường biên giới sẽ chạy ngay giữa đất của ông. Vì thế ông hãy chọn để phần đất mình thuộc về Nga hay Phần Lan.

Ông hứa sẽ suy nghĩ nghiêm túc. Vài tuần sau đó, ông cho biết mình muốn ở Phần Lan. Một nhóm đại diện của Nga tìm đến nhà ông để thuyết phục ông về những lợi ích khi sống trên đất nước Nga.

Nghe họ nói xong, ông bảo, “Tôi hoàn toàn đồng ý với những điều các ông vừa nói. Thực ra tôi vẫn muốn sinh sống ở Nga là quê hương của tôi. Có điều là ở tuổi tôi, tôi không thể sống sót qua những mùa đông ở Nga.”

BÀI KHAI MẠC

Tối 28/10/2013

Thưa Anh Em,

Có câu chuyện như thế này: Trong khi cắt dọn cỏ sân bóng đá, thầy chủ nhiệm vô ý đánh rơi chiếc đồng hồ trong đồng cỏ khô. Cả thầy và trò xáo tung đồng cỏ để tìm, nhưng mãi vẫn không thấy mà trời đã sẫm tối, nên đành kéo nhau về để sáng hôm sau tìm tiếp. Sau bữa cơm tối, trò A tới xin phép thầy chủ nhiệm một mình ra tìm chiếc đồng hồ của thầy, bảo đảm sẽ tìm thấy. Đó là điều khác thường và hơi tự phụ, vì cả lớp cùng tìm khi trời còn sáng vẫn không thấy, làm sao một mình trò A tìm chỉ dưới ánh trăng mà bảo đảm sẽ tìm thấy được?! Nhưng trò A quyết xin nên thầy cũng đành lòng. Gần một giờ sau, trò A mang chiếc đồng hồ về đưa cho thầy chủ nhiệm trước ánh mắt ngạc nhiên và cảm phục của các bạn cùng lớp. Chính thầy chủ nhiệm cũng lấy làm lạ và bảo trò A nói lên cho mọi người nghe bí quyết của trò. Trò A từ tốn thưa: Lúc về ăn cơm, con suy nghĩ và chợt lóe lên một ý tưởng. Con muốn áp dụng ý tưởng đó là con sẽ nằm sát xuống bãi cỏ, giữ sự tĩnh lặng tối đa để lắng nghe tiếng tíc tắc của đồng hồ ắt sẽ tìm ra nó. Hể đồng người thì nguyên bước chân đi lại cũng gây rộn ràng rồi, nên con xin chỉ một mình con đi tìm. Con vận dụng sự tĩnh mịch của đêm và chia ra từng khoảnh khắc, con nằm ép tai sát đất và lắng nghe. Nằm lắng nghe hết chỗ này qua chỗ khác, cuối cùng nhờ tiếng tíc tắc của đồng hồ, con đã lần tới và tìm được nó.

Anh em thân mến,

Trong tư thế sẵn sàng để tĩnh tâm năm, chắc anh em mừng tượng được điều tôi muốn nói. Như trò A trong câu chuyện, trong sự trầm tĩnh sâu lắng trước Chúa Giêsu Thánh Thể của mấy ngày tĩnh tâm, mỗi người chúng ta sẽ tự phân chia từng lãnh vực đời sống ƠN GỌI (đời sống thiêng liêng nội tâm: cầu nguyện, suy gẫm, thánh lễ, bí tích...; đời sống hoạt động mỗi ngày: học hành, kỷ luật, giao tế, v.v...), gạt bỏ những xáo động bên ngoài (để có một cuộc sống tĩnh lặng), lẩn những dao động bên trong (để có sự tĩnh lặng của cuộc sống), lắng lòng lại để nghe được tiếng nói lương tâm mình, tiếng nói của Chúa, những lời nhận xét và nhắc nhở của Bề Trên và các nhà đào tạo, lần theo dấu vết mà nắm bắt được con người thật của mình: *Tôi là ai? Tôi đang làm gì ở đây? Và rồi tôi sẽ đi về đâu?* Nhìn lại, nhớ lại để thấy ƠN CHÚA mà cảm tạ, thấy lỗi mình mà sửa đổi và dốc quyết sống tốt hơn, thánh thiện hơn trong những ngày tháng tới.

Khi xem đoạn video Châu Thánh Thể đêm canh thức cầu nguyện cho Hòa Bình Syria và Trung Đông ngày 6/9/2013, ai cũng cảm động và có ấn tượng sâu sắc: cả trăm ngàn người cùng với ĐTC Phanxicô tại Quảng trường thánh Phêrô trong sự tĩnh lặng tuyệt đối, tôn thờ, khẩn nài và lắng nghe. Trong mấy ngày này, chúng ta sẽ dành nhiều thời giờ hơn để ngắm nhìn ƠN CHÚA hoạt động, uốn nắn và đổi mới cuộc đời chúng ta; để chiêm ngưỡng vẻ đẹp và lòng nhân hậu của Chúa hằng nâng chúng ta dậy; để lắng nghe Chúa thổ lộ tình yêu và lặp lại lời mời gọi chúng ta theo Ngài; để kiểm điểm và thẩm định cách chúng ta đã đáp trả khi Chúa ngỏ lời với chúng ta, kêu gọi chúng ta, muốn chúng ta sống mật thiết hơn với Ngài; để trái tim chúng ta hoà nhịp với Thánh Tâm Chúa, hầu đưa những mối tương quan và tình cảm của chúng ta vào trong quỹ đạo tình yêu của Chúa; để nhận diện những việc Chúa làm trong đời sống chúng ta, và duyệt xét lại những lần Chúa can thiệp vào những hy vọng, những thất vọng, những niềm vui những nỗi buồn, những kế hoạch thành công hoặc thất bại của chúng ta; để nhờ đó chúng ta được quay trở về, bắt đầu lại, canh tân,

tiếp tục hành trình, và tiến bước quyết liệt hơn từ đây, khi dường như nghe được Chúa một lần nữa nói với chúng ta: *“Con hãy đứng dậy và cất bước.”*

Trong thời khắc trầm lắng này, Chúa Giêsu Thánh Thể dường như thì thầm bên tai mỗi người chúng ta: *“Con đừng để cho quá khứ làm mờ mịt hiện tại. Hãy đứng dậy, nhắm phía trước mà cất bước, tiến tới, không nuối tiếc, không rầu rĩ... Hãy nói gót theo sát Ta, vì Ta là Chúa của tương lai... Hãy cất bước, hãy dám liều, hãy ra chỗ nước sâu, Ta sẽ dẫn con vượt xa những mong chờ của con! Sau những gì đã xảy đến trong thời gian qua, con có còn hứng thú để đứng dậy, để bắt đầu lại tất cả và để đi xa hơn những giấc mơ của con nữa không? Con có còn hứng thú để Thánh Thần hướng dẫn nữa không? Con có còn hứng thú để tiếp tục lộ trình theo tiếng gọi con đã nghe thấy từ nhiều năm qua, theo tiếng gọi được lặp lại cho con mỗi ngày nữa không? Con có còn hứng thú để chết đi cho những dự phóng của con, cho chính con, cho những mối tình và toan tính của con, để sinh lại xinh đẹp hơn cho những dự phóng của Ta, những dự phóng của Giáo hội nữa không? Con có còn hứng thú để chết đi cho sự đơn điệu nhàm chán, cho thói quen, cho sự thờ ơ, cho tất cả những gì làm phân tán lòng con để rồi càng theo Ta quyết liệt hơn nữa không?”*

Đức Thánh Cha Phanxicô đã nói về cách cầu nguyện của ngài: buổi sáng cầu nguyện giờ kinh Phụng Vụ, dâng lễ, rồi lần chuỗi Mân côi. Buổi tối cầu Thánh Thể một giờ. Ngài thú thật là có chia trí và đôi khi ngủ gục nữa! Ban Giám Đốc đã lên chương trình cho chúng ta trong tuần tĩnh tâm này, ngày nào trước khi nghỉ đêm cũng dành một giờ tĩnh lặng bên nhau cầu nguyện riêng với Chúa Giêsu Thánh Thể, điều mà trong cơn hấp hối Chúa Giêsu đã tha thiết nài xin với ba môn đệ thân tín: *“Đức Giê-su và các môn đệ đến một thửa đất gọi là Ghét-sê-ma-ni. Người nói với các ông: ‘Anh em ngồi lại đây, trong khi Thầy cầu nguyện.’ Rồi Người đem các ông Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an đi theo. Người bắt đầu cảm thấy hãi hùng xao xuyến. Người nói với các ông: ‘Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh em ở lại đây mà canh thức.’ Người đi xa hơn một chút, sắp mình xuống đất mà cầu xin cho mình khỏi phải qua giờ ấy, nếu có thể được. Người nói: ‘Áp-ba, Cha ơi, Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm điều con muốn, mà làm điều Cha muốn.’ Rồi Người trở lại, thấy các môn đệ đang ngủ, liền nói với ông Phê-rô: ‘Si-mon, anh ngủ à? Anh không thức nổi một giờ sao? Anh em hãy canh thức và cầu nguyện kéo sa chén cám dỗ. Vì tinh thần thì hằng hái, nhưng thể xác lại yếu đuối.’ Người lại đi cầu nguyện, kêu xin như lần trước. Rồi Người trở lại, thấy các môn đệ vẫn ngủ, vì mắt họ nặng trĩu. Các ông chẳng biết trả lời làm sao với Người. Lần thứ ba, Người trở lại và bảo các ông: ‘Lúc này mà còn ngủ, còn nghỉ sao?’^[1]*

Có thể những người chưa quen giữ tĩnh lặng lâu sẽ e ngại chẳng? Hãy ngồi cân bằng trọng lực và thư giãn: lưng thật thẳng, tạo với bắp đùi và cẳng chân thành những góc vuông, đầu ngược thẳng nhìn lên Nhà Tạm, hai tay đặt ngửa trên hai đầu gối, hít vào bằng mũi và thở ra bằng miệng thật đều và nhẹ nhàng, không để phát ra tiếng động (khi quen rồi thì hít vào thở ra đều bằng mũi), lắng nghe và nói với Chúa bằng trí, có thể theo dõi và đo hơi thở bằng một lời nguyện tắt lặp đi lặp lại tự đặt ra cho mình [*lạy Chúa Giêsu con yêu mến Chúa, lạy Chúa Thánh Thần xin biến đổi con, chẳng hạn...*]. Cũng có thể dùng tư thế quỳ cân bằng trọng lực, giữ cột sống lưng thật thẳng tạo với hai chân thành một góc vuông. Đừng bận tâm đến thời gian. Hỏi Chúa và lắng nghe Chúa, nhưng cũng là trả lời cho chính mình: *“Lạy Chúa, con có yêu Chúa thật lòng không? Con không thể thức với Chúa được một giờ sao? Chúa có muốn con làm linh mục không? Nếu con làm linh mục, có gì nguy hiểm cho con, cho người khác và cho Giáo Hội không? Chúa nghĩ gì về con và Chúa có bằng lòng về con không? Chúa muốn con phải biến đổi và điều chỉnh những gì? Tại sao con quyết định tiếp tục tiến bước?”* Làm được như thế, một giờ sẽ trôi qua rất nhanh.

Người ta thuật lại rằng cha Gioan Maria Vianney quan sát thấy một nông dân Ars ngày nào ra đồng làm việc cũng để cây trước cổng, đi vào nhà thờ một lát rồi ra đi làm việc ngay. Lúc chiều từ ngoài đồng về nhà ông cũng làm như vậy. Ngày kia cha Vianney chặn gặp ông và hỏi ông vào nhà thờ đọc kinh chi mà nhanh thế? Và ông trả lời: *“Con có đọc kinh gì đâu! Con chăm nhìn Chúa trong Nhà Tạm và Chúa chăm nhìn con, có thể thôi!”* ĐTC Phanxicô nói: *“Hãy nhìn vào Nhà Tạm, và hãy để mình được Chúa nhìn... đơn giản thế thôi! Điều này hơi nhàm chán, muốn ngủ gật... Cứ ngủ đi!”*

Người vẫn sẽ nhìn ngắm chúng ta. Chắc chắn rằng Người nhìn ngắm chúng ta! Và điều này quan trọng hơn nhiều... vì sự ảm tâm hồn chúng ta, giữ cho ngọn lửa tình bằng hữu với Chúa được cháy mãi, làm cho chúng ta cảm thấy Người thực sự nhìn ngắm chúng ta, gần gũi và yêu thương chúng ta. Hãy để cho Người nhìn ngắm chúng ta! Đừng làm gì hơn. Điều đó có khi không đơn giản đối với người có gia đình con cái, họ quá bận bịu, rất khó tìm ra thời gian lâu dài để yên tĩnh. Nhưng cảm tạ Chúa, không nhất thiết là tất cả mọi người đều phải làm cùng một cách. Điều quan trọng là phải tìm một cách thích hợp để ở lại với Chúa; và điều này có thể được trong tất cả các bậc sống. Lúc này mỗi người có thể tự hỏi: Tôi làm thế nào để sống việc "ở lại" với Chúa Giêsu? Tôi làm thế nào để "ở lại và nghỉ ngơi" trong Chúa Giêsu? Tôi có những giây phút im lặng ở trong sự hiện diện của Người, hoặc để cho Người nhìn tôi không? Tôi có để cho lửa của Người sưởi ấm tâm hồn tôi không? Nếu trong tâm hồn chúng ta không có hơi ấm của Thiên Chúa, không có tình yêu và sự dịu dàng của Ngài, làm sao chúng ta, những tội nhân nghèo hèn, có thể sưởi ấm tâm hồn những người khác? Hãy suy nghĩ về điều này!^[2]

Cuộc đời hướng tới chức linh mục của chúng ta là một hành trình lâu dài mà chúng ta chỉ thành công khi cùng đi với Chúa. Hãy cất bước như Abraham, dù trong đêm tối của trí hiểu nhưng đã mau mắn đáp lại tiếng gọi nghịch lý của Đấng ban lời hứa. Hãy cất bước như Mẹ Maria, vội vã lên đường thăm viếng bà Ysave mong giải mã điều bí ẩn trong lời mời gọi "làm mẹ Thiên Chúa" mà Mẹ không bao giờ nghĩ tới và tưởng chừng như không thể thực hiện. Hãy cất bước như các nhà đạo sĩ theo ánh sao lạ dẫn đường tìm kiếm Đấng Cứu Tinh. Để được như vậy, chúng ta hãy dùng thời gian ở Chung viện, nhất là thời gian tĩnh tâm này cho nên.

Như ngân hàng tài chánh mỗi sáng rót vào tài khoản của chúng ta một số tiền và bảo chúng ta tiêu hết số tiền đó trong ngày, đến chiều, ngân hàng sẽ hủy bỏ số tiền còn lại đã không dùng hết, không chuyển qua ngày hôm sau; nhưng cũng không được tiêu quá số tiền đó, **Ngân Hàng Thời Gian** của Chúa mỗi sáng cho chúng ta 86.400 giây và bảo chúng ta phải sử dụng tất cả cho nên, không để dư mà cũng không được bội chi; đến tối, thời gian mà chúng ta không dùng nên trong ngày đã bị mất, mà thời gian còn lại cũng bị xóa bỏ, không có chuyện quay lại tích lũy của ngày hôm qua, cũng không có chuyện để dành cho ngày mai. Đồng hồ vẫn chạy và thời gian vẫn trôi đi. Vậy chúng ta hãy cố gắng dùng thời gian Chúa ban cho thật tốt để có thể đạt được thành quả tốt nhất trong việc học hành tu tập hướng tới lý tưởng linh mục, dù có lúc sáng tỏ có lúc mờ mịt, nhưng luôn tin tưởng vào sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần qua các cơ cấu thẩm quyền và phẩm trật của Giáo Hội.

Trong mấy ngày ngắn ngủi này, tôi sẽ nói với anh em **TIỀN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC**. Có thể anh em đã biết hết rồi, và tôi sẽ không mang lại triết lý gì mới mẻ hay suy tư thần học cao siêu nào hết; đừng chờ đợi những thứ đó, vì tĩnh tâm là để sống với Chúa và lo việc linh hồn mình, không ai khác có thể làm thay chúng ta được. Tôi chỉ xin được cùng anh em chia sẻ kinh nghiệm sống, đọc lại, ôn lại, nhớ lại với nhau trong bầu khí và ơn ban tĩnh tâm. Xin anh em trong mấy ngày này cố gắng tạo cho mình và cho anh em khác, không những cuộc sống thanh lặng, mà còn sự thanh lặng của cuộc sống nữa, là cái thiết yếu cho một cuộc tĩnh tâm hiệu quả. Có những người có cuộc sống thanh lặng nhưng không có được sự thanh lặng của cuộc sống, như người ta thường nói cách ví von "*trong lòng không có biển mà vẫn có sóng; thân xác ở đây mà lòng trí đi du lịch mãi tận đâu đâu xa xôi*". Trái lại, có những người tuy sống giữa bao xáo động của nhân thế nhưng lòng vẫn an định, một mình mình với một mình Chúa. Vì thế mà các tĩnh tâm viên đều ao ước **Intrate toti, manete soli và Exite alii**: Vào tĩnh tâm với tất cả con người mình, ở lại một mình mình với Chúa, và ra tĩnh tâm với một con người khác trước. Vậy xin anh em vui lòng gác lại mọi trao đổi với nhau, kể cả bình phẩm khen chê, thích thú hay bực tức... để lòng mình và lòng anh em khác được an tĩnh mà tĩnh tâm cho nên, đợi đến tĩnh tâm xong hãy hay. Mỗi người chỉ trao đổi với Chúa và với cha linh hướng, vì đây là cơ hội rất thuận tiện để làm công việc rất quan trọng này. Thường trong các cuộc giúp tĩnh tâm ít người, tôi có chương trình lần lượt gặp riêng từng người theo mô hình linh thao. Nhưng ở đây anh em đông quá không thể làm được như vậy. Nhưng nếu có những anh em nào muốn gặp riêng tôi, tôi xin sẵn sàng, dù tôi cũng phải tận dụng thời gian dọn bài giảng tĩnh tâm năm cho linh mục đoàn Vinh vào cuối tháng 12 sắp tới. Xin anh em cũng hiệp ý cầu nguyện cho tôi và các cha Vinh. Cảm ơn anh em nhiều.

Đặc biệt hướng về các anh em lớp Tu Đức sau kỳ tĩnh tâm này mặc áo dòng, tôi xin chia sẻ lời của mẹ thánh Gioan Boscô căn dặn ngài ngày ngài mặc áo dòng: *“Con nay đã mặc tu phục. Mẹ đang cảm thấy tất cả niềm vui mà một người mẹ có thể cảm nhận được. Tuy nhiên, con phải nhớ không phải áo quần làm cho con được trọng vọng, chiếc áo không làm nên thầy tu, mà chính là đức hạnh. Giả sử một ngày nào đó, con nghi ngờ về ơn gọi của mình thì mẹ xin con, vì lòng mến Chúa, chớ có gây ô nhục cho tấm áo này, hãy lập tức cởi bỏ nó ra, mẹ thích chẳng thà con trai của mẹ là một người dân quê hơn là một linh mục không xứng đáng. Ngày con chào đời mẹ đã dâng con cho Đức Mẹ. Mẹ đã dạy con phải hết lòng yêu kính người Mẹ ấy, vì ngài chính là Mẹ thật của chúng ta. Giờ đây mẹ nhắc con hãy thuộc hẳn về Mẹ Maria cách trọn vẹn. Nói xong, mẹ Boscô rất xúc động muốn khóc và mắt Boscô cũng rưng rưng ngấn lệ: Mẹ ơi, con cảm ơn mẹ vì tất cả những gì mẹ làm cho con. Con sẽ không bao giờ quên những lời mẹ vừa nói cho con”.*

Chúng ta cùng ký thác cho lòng nhân hậu của Thánh Tâm Chúa Giêsu, ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, và sự trợ lực hiền mẫu của Mẹ Maria, để tiếp tục lên đường, dần bước theo sát Đấng đã kêu gọi mỗi người chúng ta từ bao thời gian xa trước, cho đến hôm nay và mãi mãi về sau. Trước khi đi châu Thánh Thể mà mỗi lần như vậy chị thánh Têrêsa Nhỏ thường nói *“Em đi gặp người yêu của em”*, xin mời anh em chuẩn bị tâm hồn bằng lắng nghe bài hát minh họa *“Hát trên đỉnh đồi”*.

Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy, pss,

[1] Mc 14, 32-41.

[2] Trích huấn từ của Đức Thánh Cha Phanxicô hôm thứ sáu ngày 27 tháng 9 năm 2013 tại Sân Đường Phaolô VI trong buổi tiếp kiến các các giáo lý viên hành hương về Rôma vào dịp Năm Đức Tin và tham dự Đại Hội Quốc Tế về Dạy Giáo Lý.

VỀ MỤC LỤC

HIẾN MÁU

Mỗi ngày, có hàng triệu người trên thế giới cần tiếp nhận máu để được cứu chữa trong các trường hợp chấn thương tai nạn, trong giải phẫu cũng như điều trị ung thư. Tiếp hồng huyết cầu, bạch cầu, tiểu cầu hoặc huyết tương là điều thiết yếu để mang sức khỏe trở lại cho người bệnh.

Một người:

- bị tai nạn xe hơi có thể cần từ 4-40 đơn vị máu;
- mổ tim hở cần từ 2-6 đơn vị hồng cầu, 2-4 đơn vị huyết tương, 1-10 đơn vị tiểu cầu;
- ung thư bạch cầu cần 2-6 đơn vị hồng cầu và 6-8 đơn vị tiểu cầu mỗi ngày trong 2-4 tuần lễ.

Nhu cầu máu trên thế giới ngày một gia tăng mà số người hiến máu lại giảm, vì:

- Các bạn trẻ chưa có thói quen hiến máu.

- Một số người tuổi cao không còn cho máu được nữa nhưng lại cần tiếp máu nhiều hơn.

- Quy luật lấy máu nghiêm ngặt hơn để bảo đảm an toàn cho người bệnh. Như là khi có bệnh, khi uống thuốc chữa bệnh, khi làm đẹp với xâm da, đeo khuyên, khi từng du lịch tới một vài vùng có dịch bệnh...đều có thể không được hiến máu.



Bên Mỹ, một nửa dân số có đủ điều kiện để hiến máu mà chỉ có 5% những người này cho máu. Và họ cho máu tự nguyện, không vì tiền.

Vì thiếu máu an toàn là vấn đề toàn cầu, nên vào tháng 5 năm 2005, Bộ Trưởng Y tế các quốc gia trên thế giới đã đồng thanh quyết định lấy ngày 14 tháng 6 mỗi năm làm ngày “World Blood Day”.

Đây là ngày để nhắc nhở mọi người về nhu cầu máu an toàn, để cảm ơn và vinh danh những người tự nguyện bất vụ lợi hiến máu và để khích lệ

mọi người tình nguyện hiến máu mà không lấy tiền. Những người này thường có sức khỏe tốt, không che giấu về sức khỏe của mình, không bị các bệnh truyền nhiễm, không chích thuốc cấm và họ hiến máu rất đều đặn.

Bệnh nhân cần máu hầu hết không bao giờ nhận máu toàn khối, mà chỉ từng thành phần riêng rẽ, như hồng cầu, tiểu cầu, bạch cầu hoặc huyết tương. Vì thế sau khi lấy máu, các thành phần được phân tách ra:

- Hồng cầu chiếm từ 40-50% tổng số khối lượng máu, có thể cất giữ trong tủ lạnh được 42 ngày. Nếu không dùng trong vòng 6 tuần lễ, hồng cầu bị hủy bỏ. Hồng cầu giữ đông lạnh còn tốt trong 10 năm.

- Tiểu cầu có rất ít trong máu (150,000-450,000/ml máu) và được dùng để kiểm soát sự băng huyết. Tiểu cầu cần được cất giữ ở nhiệt độ bình thường trong phòng. Sau năm ngày mà chưa dùng tới, tiểu cầu bị loại bỏ vì có thể bị nhiễm vi khuẩn.

- Huyết tương có thể giữ trong đông lạnh khoảng một năm và được truyền trực tiếp cho người bệnh có nhu cầu nhưng đa số được dùng trong chế biến dược phẩm.

- Máu toàn khối thường được dùng cho trẻ sơ sinh hoặc bệnh nhân giải phẫu lớn như mổ tim hở.

Hồng cầu cho thiếu máu, chấn thương, giải phẫu
Tiểu cầu cho bệnh nhân ung thư đang nhận hóa trị
Huyết tương cho các trường hợp phỏng nặng...

Cho máu có cần điều kiện gì không?

Không có điều kiện lớn lao gì, ngoài vài đòi hỏi tối thiểu như:

- phải trên 17 tuổi,

- nặng ít nhất 55 kg,
- có sức khỏe tốt,
- hoàn tất mỹ mãn một khám bệnh tổng quát và
- trả lời thỏa đáng các câu hỏi về y sử, nếp sống.

Trước khi hiến máu, nên ăn uống đầy đủ và uống nhiều chất lỏng (nhớ đừng uống rượu nghe, bị từ chối đấy!)

Bệnh thường thấy như cao huyết áp hoặc đang uống thuốc hạ huyết áp đều cho máu được.

Những ai không được hiến máu?

Có thể bị từ chối nếu:

-Đã từng nghiện ngập, chích thuốc cấm như bạch phiến. Những người này thường có tỷ lệ bị nhiễm HIV/AIDS khá cao, 23%.

-Đàn ông giao hợp với đàn ông từ năm 1977. Đây là lúc mà bệnh AIDS được khám phá ở một người đồng tính luyến ái. Tại Hoa Kỳ, tỷ lệ mắc HIV/AIDS ở người đồng tính luyến ái trong năm 1996-1997 là 38%. Lây lan virus viêm gan B và C cũng rất cao ở lớp người này.

-Có thử nghiệm dương tính với HIV

-Nam nữ giao hợp để lấy tiền hoặc để trao đổi tình dục lấy thuốc cấm từ năm 1977, vì họ có thể nhiễm HIV

-Bị viêm gan virus B từ khi 7 tuổi

-Đang uống thuốc Tegison để chữa bệnh vẩy nến (Psoriasis).

-Có bệnh ưa chảy máu (hemophilia) vì thiếu các yếu tố đông máu

Liệu tôi có đủ máu để cho, phải cho bao nhiêu mỗi lần và bao nhiêu lần mỗi năm?

Mỗi người có từ 5 tới 6 lít máu mà mỗi lần chỉ cho có gần nửa lít. Huyết tương được phục hồi trong vài giờ, hồng cầu được tái tạo trong vài tuần lễ.

Với toàn khối máu, có thể cho mỗi 8 tuần lễ.

Huyết tương được tái tạo sau vài ngày, do đó có thể cho huyết tương hai lần một tuần, cách nhau vài ngày.

Hiến máu rất an toàn.

Kim chích đều là mới tinh, vô trùng, dùng một lần rồi vứt bỏ cho nên không có rủi ro nhiễm sinh vật gây bệnh do máu chuyên chở như HIV, viêm gan mãn tính với virus B và C...Virus viêm gan cấp tính A và E ít khi truyền qua máu.

Lấy máu như thế nào?

Ngồi hoặc nằm trên ghế dựa êm ái, cánh tay đặt trên chỗ tựa tay. Một vòng bao cao su máy đo huyết áp cột trên cánh tay để máu dồn nhiều vào tĩnh mạch. Da trên khuỷu tay được lau sạch khử trùng. Một chiếc kim mới tinh, sạch sẽ được cắm vào tĩnh mạch. Máu được hút vào một bịch chứa.

Sau khi cho khoảng ½ lít máu, kim được rút ra, chỗ chích được dán một miếng băng keo để tránh vi khuẩn xâm nhập. Máu sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để kiểm tra an toàn rồi phân tách riêng các thành phần như hồng cầu, bạch cầu, tiểu bào và huyết tương. Rồi cất giữ trong tủ lạnh, dùng dần cho nhu cầu.

Sau khi cho máu, nên ngồi nghỉ chừng mười phút để coi có khó khăn gì không, ăn một chút thực phẩm, uống vài ly nước, rồi thoải mái ra về.

Trong 24 giờ sau khi hiến máu, nên:

- Uống nhiều nước
- Tránh nâng vật quá nặng phía tay mới cho máu
- Tránh vận động quá mạnh
- Tránh uống thuốc chống đau aspirin hoặc ibuprofen

Sau khi cho máu, có thể bị hơi khó chịu bao tử hoặc hơi chóng mặt. Các dấu hiệu này chỉ thoáng qua, hết đi sau khi ăn uống.

Nên cho trung tâm hiến máu hoặc tham khảo ý kiến bác sĩ nếu:

Tiếp tục buồn nôn, chóng mặt dù đã ăn uống và nằm nghỉ

- Nơi cảm kim sưng, chảy máu hoặc đau
- Cảm thấy tê đau lan xuống bàn tay, ngón tay
- Bị bệnh với các dấu hiệu triệu chứng như nóng sốt, đau cuồng họng sau khi cho máu 4 ngày, vì có thể bị bệnh nhiễm vi khuẩn. Cần cho trung tâm lấy máu hay là mình bị bệnh để không sử dụng máu của mình vừa cho, bảo đảm an toàn cho người nhận máu.

Kết luận

Mỗi khi nghe tiếng kèn xe hồng thập xé không gian trên đường phố hoặc nhìn thấy một người gặp nạn đang xối xả chảy máu, liệu chúng ta có tự hỏi số phận người bệnh sẽ ra sao?

Liệu họ có cần tiếp máu không? Liệu bệnh viện có dự trữ đủ máu cho nhu cầu? Liệu ta có sẵn sàng cho máu chưa?

Có khi chính bản thân ta, con cái ta, người thân của ta một lúc nào đó cũng ở trong những hoàn cảnh tương tự và cũng cần đến một bịch máu nho nhỏ, hồng hồng. Bịch máu cứu sống một nhân mạng.

Hiến máu là việc làm rất giản dị mà chẳng đau đớn gì. Chỉ lim dim nằm nghỉ thoải mái khoảng 15 phút mơ màng, tưởng nghĩ tới những giọt của máu mình cứu sống được một người là thấy vui vui hạnh phúc trong lòng.

Hạnh phúc qua hành động nhân đạo của mọi người.

Vì, những giọt nước mắt của người mẹ không cứu sống được đứa con, nhưng máu ta cho có thể cứu sống cháu bé đó.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Giới thiệu: Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe do Bác sĩ Nguyễn Ý Đức thực hiện

Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

VỀ MỤC LỤC

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 07 đến 11

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 07

GIA PHẢ CHÚA GIÊSU KITÔ

Câu chuyện về gia phả có thể giúp bạn nhập đề vào Tin mừng của Chúa rất sớm, bởi lẽ câu đầu tiên của bộ Tin mừng bàn về gia phả: “Sách gia phả của Đức Giêsu Kitô...”

Tùy lúc, câu chuyện về gia phả có thể là thông tin vắn tắt qua điện thoại, hoặc chia sẻ tại bàn ăn, mạn đàm bên tách cà phê.

Bản gia phả Mátthêu giúp ta trình bày thật hồn nhiên phần lịch sử ơn cứu rỗi từ ông Abraham tới Chúa Giêsu, với 42 đời, được Thánh Matthêu tỉ mỉ ghi chú là 3 lần 14, tức là 6 lần 7 đời, và gián tiếp nói rằng chỉ một mình Chúa Giêsu là bộ bảy thứ bảy, là đỉnh cao và là sự toàn bích...

Người nghe sẽ rất lý thú khi được biết bản gia phả thứ hai của Chúa Giêsu Kitô, ghi trong sách Luca, phản ngược lên đến tận Adam: “Adam bởi Thiên Chúa”. **Thiên Chúa là Cội Nguồn của mọi cội nguồn.**

Điều ấy đem lại an ủi cho những người gốc họ này nhưng nhiều thế hệ qua đã mang một họ khác. Người ta không còn bị hụt hẫng vì chuyện cải họ. Dù có chuyện cải họ hoặc dù chỉ phục hồi gia phả được một số đời ít ỏi, thì ta vẫn biết chắc chắn rằng có một Thiên Chúa duy nhất là Cha của Chúa Giêsu Kitô và là Cha chung hết mọi người. Bốn bề là anh em vì tất cả đều là con cái của cùng một Cha trên trời.

Về điểm này, có một chi tiết cần lưu ý. Hiện đang nở rộ trào lưu nói về Cha Trời của những người hòa đồng tôn giáo. Ngôn từ có vẻ giống nhau nhưng sự thật hoàn toàn khác. Nơi mạc khải Kitô giáo, ta được biết Thiên Chúa là Cha chính là nhờ được Con một Ngài là Đức Giêsu Kitô đến tỏ cho biết (Ga 1,18). Chúng ta được gọi Thiên Chúa là Cha chính là nhờ Đức Giêsu Kitô ban Thánh Thần để Thánh Thần thốt lên trong lòng ta: “Abba!”, thân thiết như em bé: “Ba ơi, Bố ơi!”. Thiên Chúa Cha nơi Kitô giáo không lẻ loi một mình nhưng hiệp nhất với Con Ngài và Thánh Thần Ngài thành **Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi.**

Lần giở Kinh Thánh, ta sẽ thấy lý thú về chuyện gia phả. Đang khi những bản gia phả nhân loại chưa được 200 năm hầu hết đều đã tan vào hư vô thì những bản gia phả cổ trong bộ Kinh Thánh đã hơn 3000 năm qua vẫn được bảo trì. Nơi quyển đầu tiên của bộ Kinh Thánh, sách Sáng Thế Ký, bản gia phả ở 11 chương đầu mang tính dã sử. Từ chương 12 trở đi, câu chuyện bắt đầu với một người đồng thời với các vua Hùng đầu tiên của ta là ông Abraham. Ta chỉ biết về các Hùng Vương ở con số 18 vị vua, mấy ai biết được tên 18 vị vua ấy. Lạc Long Quân, Âu Cơ, Lạc Tộc, Hùng Vương Thứ Sáu, Tiết Liêu, Hùng Vương Thứ Mười Tám, Mỵ Nương, Sơn Tinh, Thủy Tinh... Tất cả những truyền thuyết ấy lãng đãng mơ hồ... được kể lại theo truyền khẩu vồn vện trong đêm trăng. Đang khi đó, ông Abraham đã trở thành một gia tộc rồi một dân tộc, với những trang gia phả chính xác. Chỉ bốn thế hệ đầu tiên của lịch sử ơn cứu rỗi đã lấp đầy gần bốn mươi chương của sách Sáng Thế Ký, từ chương 12 đến chương 50. Nhờ đâu mà những trang gia phả ấy và cả bộ sách Kinh Thánh dày cộm được bảo tồn không suy sụp qua thời gian đằng đẵng?

Một sự kiện khác cũng dễ khiến người nghe phải suy nghĩ: Người ta thường trân trọng những nguồn cội biết được cách bấp bênh qua những trang phả liệu mù mờ, đang khi ấy nguồn cội đầu tiên mà Kinh Thánh giới thiệu vẫn sờ sờ nơi cuộc sống thường nhật thì người ta lại

thần nhiên gạt bỏ.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 08

THIÊN CHÚA CHA MẶC KHẢI QUA KINH THÁNH

Những người rao giảng về Cha Trời bảo rằng Cha Trời giảng dạy người ta ghi lại những bài giáo lý. Sách Koran của Hồi giáo cũng bảo rằng Đấng Allah đọc cho Tiên tri Mahômét viết lại những lời Ngài dạy. Đang khi đó, Kinh Thánh của Do Thái giáo và Kitô giáo thì khác. Đây là câu chuyện về một gia đình, một gia tộc rồi một dân tộc và cả nhân loại. Thiên Chúa can thiệp vào lịch sử rồi sau đó mới cho người viết lại lịch sử ấy để giúp mọi người hiểu Ngài yêu thương nhân loại và yêu thương mỗi người tới mức nào.

Từ câu chuyện gia phả, ta nên sớm giới thiệu cho người ta quyển Kinh thánh, cả Cựu ước và Tân ước, đồng thời tóm tắt cho họ nội dung Kinh Thánh sau đây để họ có thể đọc Kinh thánh với tâm trạng hồn nhiên của một người đi tìm sự thật.

Thiên Chúa đầy tình yêu thương đã tạo nên mọi loài mọi vật để chúng chia sẻ sự tốt lành của Ngài. Cách riêng, Thiên Chúa đặc biệt yêu thương con người. Ngài đã tạo nên họ giống hình ảnh Ngài, ban cho họ có khả năng nhận biết và yêu mến Ngài, đồng thời đặt họ làm chủ mọi thụ tạo trên trái đất để họ cai trị và sử dụng chúng mà ngợi khen Ngài.

Tiếc thay, con người không vâng phục Thiên Chúa. Con người muốn đi tìm một thứ hạnh phúc ngoài Thiên Chúa. Hậu quả là tình nghĩa với Thiên Chúa bị cắt đứt, con người phải xa lìa Thiên Chúa, bị đau khổ, phân rẽ, và cuối cùng là phải chết. Tuy nhiên, Thiên Chúa đầy yêu thương vẫn không bỏ mặc con người trong nỗi tuyệt vọng. Ngài hứa sẽ ban Đấng Cứu Thế đến để cứu vớt con người.

Để thực hiện lời đã hứa, Thiên Chúa đã chọn cụ Abraham để qua ông, Ngài gây dựng một dân tộc là dân Israel, chuẩn bị cho Đấng Cứu Thế ra đời. Qua Môsê, Thiên Chúa đã cứu dân Israel khỏi ách nô lệ Ai cập, trong biến cố Vượt qua và Xuất hành, cũng qua Môsê, Thiên Chúa còn ban cho dân Israel Giao ước và Lễ luật để họ trở thành dân riêng của Ngài. Qua các ngôn sứ, Thiên Chúa dạy dỗ họ đón nhận Đấng Cứu Thế.

Khi tới giờ đã định, Thiên Chúa đã cho Đấng Cứu Thế ra đời. Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Thế, chính là Con Một của Thiên Chúa đã trở thành con người để làm cho ta trở thành con Thiên Chúa. Ngài đã đến sống giữa chúng ta để cho ta biết tình thương của Chúa Cha và để dẫn đưa chúng ta về cùng Chúa Cha trong một gia đình là gia đình con cái Thiên Chúa, tức Hội Thánh. Ngài đã chết để hoà giải ta với Thiên Chúa, và đã sống lại để ban cho ta sự sống mới làm con Thiên Chúa.

Sau khi Chúa Giêsu về trời, Chúa Cha và Chúa Giêsu đã gửi Chúa Thánh Thần đến, để hướng dẫn Hội Thánh tiếp tục công việc của Chúa Giêsu, mà đem ơn cứu rỗi đến cho mọi người bằng lời rao giảng và việc cử hành các bí tích. Chúa Thánh Thần ở với ta, làm cho ta được kết hợp nên một với Chúa Giêsu. Ngài soi sáng và thúc đẩy ta sống mến Chúa yêu người như Chúa Giêsu dạy, để ta xứng đáng là con cái Cha trên trời, theo như chương trình yêu thương mà Thiên Chúa đã dành cho ta.

Cùng với mọi người trong Hội Thánh, ta góp phần hoàn tất lịch sử, đợi ngày Chúa Giêsu tỏ bày vinh quang của Ngài và của những người được cứu chuộc. Ngày ấy Chúa Giêsu sẽ tiếp thu mọi sự, biến đổi thành vũ trụ mới mà dâng lên Thiên Chúa Cha.

Qua ba giai đoạn mặc khải, dần dần ta được biết Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là Ba Ngôi Thiên Chúa. Cũng nhờ Thiên Chúa mặc khải, ta biết Ba Ngôi khác nhau ấy hợp nhất thành một Thiên Chúa mà thôi. Đó là mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi.

Kinh Thánh không phải là một quyển sách giáo khoa nêu nguyên tắc rồi hướng dẫn áp dụng thực hành. Nó là quyển sách ghi lại công trình tình thương của Thiên Chúa, qua một lịch sử chưa hoàn thành nhưng đã có đoạn kết. Nó được hình thành từ cuối thế kỷ 13 trước Công

nguyên và kết thúc đầu thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, do hàng trăm ngòi bút thuộc những trình độ và thời đại khác nhau hợp lại, mà đọc xong lại thấy từ đầu tới cuối hết sức thống nhất, chẳng khác nào một tác phẩm do cùng một người phác thảo và thực hiện, do cùng một người đề ra ý chính, các phần đoạn của thân bài rồi viết từ nhập đề đến kết luận.

Điều đó cho thấy Kinh Thánh được thực hiện do một tác giả thần linh vượt trên toàn bộ lịch sử. Tác giả đích thật ấy là chính Thiên Chúa, còn tất cả những người đã cống hiến tài năng chấp bút diễn tả chỉ là những dụng cụ.

Một khi đã quen, bạn sẽ từ câu chuyện đang nói để chuyển sang Kinh Thánh rồi lại từ Kinh Thánh chuyển sang cuộc kiếm tìm của bạn và người đồng tộc.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 09

ĐẠO HIẾU TRONG LỜI NGUYỆN PHỤNG VỤ

Trong lịch sử, việc thờ cúng tổ tiên theo truyền thống Việt Nam không chỉ gây hao tổn giấy mực tranh cãi giữa các nhà truyền giáo, nhưng còn kéo theo một thực tế bi hùng. Nhiều người ngoài Công Giáo thà mất Nước Trời hơn là bỏ ông bà, như câu thơ tha thiết của nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu:

Thà đui giữ lấy đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.

Đang khi đó người Công Giáo thì chọn lựa ngược lại. Có đến trên 130.000 Kitô hữu đã chấp nhận chết vì dành cho đạo hiếu đối với Cha Cả trên trời sự ưu tiên vượt trên đạo hiếu đối với tổ tiên dưới đất.

Phía trên bàn thờ gia tiên của nhiều gia đình Công Giáo có trưng bày ảnh các Thánh Tử Đạo Việt Nam. Thật rất ý nghĩa khi gắn liền Đạo Hiếu với các vị tổ phụ trong đức tin. Ngày lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, 24-11, nằm trong tháng các đấng linh hồn nhưng hình như không nói được gì với người Việt Nam về Đạo Hiếu.

Trước kia, khi các vị Tử Đạo Việt Nam chưa được tuyên phong hiển thánh, chỉ có một lời nguyện cho nội bộ Giáo Hội Việt Nam, vốn vẹn ba dòng nhưng hết sức sâu sắc về Đạo Hiếu. Trong dịp phong thánh, khi viết bộ lễ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, người ta đã vất bỏ một viên ngọc mà không ngờ. Thiết tưởng tổng cộng các lời ca, lời nguyện, kinh tiền tụng và toàn bộ các giờ kinh phụng vụ của ngày lễ 24-11 vẫn không nói được nhiều hơn lời nguyện ngắn của ngày lễ 1-9 trước đây. Lời nguyện bị lãng quên ấy như sau:

"Lạy Chúa, Chúa đã làm cho xuất hiện trên toàn cõi Việt Nam rất nhiều chứng nhân anh dũng cho Chúa: Vì lời các đấng ấy bầu cử, xin Chúa thương ban cho mọi dân tộc nhận biết chỉ có Chúa là Cha thật và phụng sự Chúa với hết tình con thảo." (Lời nguyện số 1)

Chỉ vài dòng ngắn ngủi đủ ghi lại cả một lịch sử bi hùng và lý do sâu xa nhất cho việc tuyên xưng đức tin của người Công Giáo Việt Nam. Nó là một lời nguyện hết sức đại đồng chứ không mang tính cục bộ như lời nguyện hiện hành trong sách lễ Rôma tiếng Việt: "Lạy Chúa, Chúa đã ban cho Hội Thánh Việt Nam nhiều chứng nhân anh dũng biết hiến dâng mạng sống để hạt giống đức tin trở sinh hoa trái dồi dào trên quê hương đất nước chúng con. Xin nhận lời các ngài chuyển cầu mà cho chúng con biết noi gương các ngài để lại: luôn can đảm làm chứng cho Chúa và trung kiên mãi đến cùng." (NXB 1992, trang 736 - Lời nguyện số 2).

Không hiểu tại sao lời nguyện ấy lại khác với lời nguyện trong sách lễ Rôma tiếng Anh và tiếng Ý, có thể dịch như sau: "Lạy Thiên Chúa là nguồn gốc mọi tình phụ tử, Cha đã giữ cho Thánh Anrê và các đồng bạn tử đạo được trung thành với thập giá của Con Cha đến đổ máu đào. Nhờ lời các ngài chuyển cầu, xin cho chúng con biết tỏ lòng yêu Cha giữa anh chị em chúng con để chúng con đáng được gọi và thực sự là con cái Cha." (Lời nguyện số 3)

Đang khi tưởng nhớ các vị tử đạo Việt Nam, Giáo Hội cầu nguyện cho mọi dân tộc nhận biết Thiên Chúa tuyệt đối là Cha thật duy nhất của mọi người và là nguồn gốc mọi tình phụ tử

trên trời dưới đất. Lời nguyện số 1 trên đây vừa đầy ắp kỷ niệm về Đạo Hiếu, vừa vạch ra được một linh hạnh cho người Việt và cả một trách nhiệm rất lớn với hai chiều kích: Phải sống thật tuyệt vời cả về đạo hiếu trần gian lẫn đạo hiếu trên trời, để giúp cho cả đồng bào người Việt lẫn các dân tộc trên thế giới nhận biết tình cha của Thiên Chúa. Ước gì hạt ngọc quý báu ấy sớm được đem lại vào phụng vụ, ít ra là cho giờ Kinh Chiều I.

Tới đây cũng xin nhắc đến một đóng góp khác rất đáng trân trọng đã bị quên mất, cần được phục hồi. Nơi các Kinh nguyện Thánh Thể (Kinh tạ ơn) trong bản dịch Sách Lễ Rôma 1992 có hai điểm khác hẳn bản dịch trước đó:

- Khi thưa với Ngôi Cha, mọi chữ "Domine" đều được chuyển thành "Cha" thay vì dịch sát chữ là "Chúa".

- Ở lời nguyện cầu cho kẻ chết của các Kinh nguyện Thánh Thể 1, 2 và 3 đều có thêm mệnh đề: "Đặc biệt xin Cha nhớ đến các bậc Tổ tiên và thân bằng quyến thuộc chúng con đã lìa cõi thế".

Đó là hai đóng góp của linh mục đoàn Giáo phận Kontum được Ủy Ban Phụng Tự trực thuộc HĐGMVN lúc ấy tiếp nhận. Nay trong bản dịch (xxxxx) đóng góp thứ hai vẫn còn được duy trì, còn đóng góp thứ nhất bị quên mất. Thiết tưởng đây là một đóng góp hết sức ý nghĩa, có tác dụng lớn trong việc loan báo Tin mừng và xây dựng lòng đạo cho Dân Chúa.

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 10

TRÁNH BỊ NGỘ NHẬN MỘT LẦN NỮA

Xin được trở lại việc áp dụng huấn thị Plane compertum est.

Lắm người, không những ngoài Công giáo cả không ít tín hữu Công giáo hiểu quan điểm mới của Giáo hội Công giáo cách quá đơn giản, tưởng rằng qua việc cho phép tái lập bàn thờ gia tiên, cúng giỗ và nhang đèn,... Giáo hội cũng chấp nhận luôn cả những tiểu tiết của dị đoan mê tín. Đây là một điểm hết sức quan trọng cần xác định ngay từ đầu để tránh ngộ nhận.

Quan điểm mới của Giáo hội Công giáo, được khẳng định vào năm 1964-1965, dựa trên bước tiến tích cực về phong hóa, "những tin tưởng sai lạc kia cũng không còn phải là chuyện chung của quảng đại quần chúng", tuy nhiên sang đầu thế kỷ 21, diễn biến thực tế lại rất đáng lo ngại, người tín hữu Công giáo cần biết nhận định và chọn lựa sáng suốt.

Những năm 1930, cuộc vận động của các tác giả Tự Lực Văn Đoàn trên các báo Phong Hóa, Ngày Nay cũng như qua các tiểu thuyết của họ, đã giúp thay đổi được não trạng quần chúng, phá đổ được nhiều tệ đoan xã hội, cách riêng là những mê tín về phong thủy, phương hướng, ngày giờ, đồng bóng. Tiếc thay, vài chục năm trở lại đây, do chạy theo lợi nhuận du lịch, các nơi đã đua nhau phục hồi các lễ hội dân gian cách thiếu chọn lọc, mở đường cho nạn mê tín lại lan tràn cách tệ hại.

Mở Google, gõ "mê tín", ta gặp hàng ngàn bài lên tiếng về một tệ nạn mới của xã hội: cầu cơ, xin keo, xin xăm, coi ngày giờ, xem hướng, đốt vàng mã, ông địa, thần tài... Người ta dựng nên cả những văn phòng, những trung tâm nghiên cứu khoa học về cõi âm, để hiện đại hóa và hợp pháp hóa việc buôn thần bán thánh. Có cả những bậc trí thức không vững lập trường, hoặc vì ham lợi, ham danh, đua đòi hoặc vì ham vui đã chạy theo những sự mê tín đáng tiếc. Truyền thông đại chúng đã có nhiều đợt lên tiếng vạch trần những chuyện vớ vẩn ấy. Những người nhờ một nhà ngoại cảm tìm mộ rồi kiểm tra chéo bằng một nhà ngoại cảm khác đều gặp kết quả trớ trêu dở khóc dở cười. Những anh chị em ngoài Kitô giáo giữ vững lương tri đều nhất quyết không tìm thông tin về quá khứ từ bất cứ hình thức đồng cốt nào, vì họ thấy trước sẽ lâm vào tình trạng khó xử: tin cũng không được mà chẳng tin cũng không được.

Do thiếu ánh sáng mặc khải, người ta không biết rằng kẻ thù của loài người là ma quỷ luôn xúi giục mọi người mê theo của cải vật chất. Ma quỷ đầy ghen tương, nó đã đánh mất hạnh phúc đời đời nên quyết không để cho con người hưởng được hạnh phúc ấy. Mọi hoạt động của

nó đều nhằm lôi kéo con người lìa xa nguồn cội là Thiên Chúa và đánh mất hạnh phúc đích thật trong Ngài. Nó quá rõ không gì có thể mê hoặc lòng người cho bằng lợi (x. Mt 6.19-21.25-34; 19,23-26) và danh (x. Lc 14,7-11; Ga 5,44). Bài học quanh ta sờ sờ trước mắt, biết bao người vì chút tư lợi và hư danh mà bán rẻ lương tâm, quên mất quyền lợi của quốc gia dân tộc, biết bao kẻ giàu lên một chút là cậy của khinh người, coi thường cả trời đất, biết bao gia đình tan rã vì tiền bạc, biết bao tổ chức tốt lành bỗng chốc một sáng một chiều lòng người ly tán chỉ vì tiền bạc của cải...

LOAN TIN MỪNG CHO DÒNG HỌ - Chia sẻ 11

TRÁNH BỊ NGỘ NHẬN MỘT LẦN NỮA (2)

Như thế, trong cái nhìn của người Công giáo, đằng sau những biểu hiện xã hội còn có cả một thế lực vô hình là quỷ dữ lừa dối (x. Ga 8,44). Là những thụ tạo vô hình, nó lừa gạt những kẻ nhẹ dạ dễ như bỡn. Nó mặc lột thần ánh sáng (x. 2Cr 11,14), lợi dụng đục nước thả câu, nó cung cấp những kết quả "thần diệu" khiến người ta tin theo nườm nượp. Kinh nghiệm cho thấy, không riêng lãnh vực này mà trong mọi lãnh vực, kẻ thù của loài người là ma quỷ biến báo đủ cách, dùng đủ thứ mách lới chỉ cốt để giành giật linh hồn mọi người khỏi tình thương nhân hậu và đòi hỏi của Thiên Chúa Tạo Hóa là Cha Chung giàu lòng thương xót. Chính nó đã từ chối tình thương Thiên Chúa và đánh mất hạnh phúc đời đời cho nên ghen tị không muốn để con người được hưởng hạnh phúc làm con cái Thiên Chúa. Mục đích cuối cùng của nó là lừa gạt để con người tự đánh mất hạnh phúc đời đời.

Đây là điều hết sức quan trọng, can hệ đến hạnh phúc đời đời của chính mình. Người tín hữu cần đề cao cảnh giác để khỏi bị cuốn vào những thực hành đi ngược với đức tin chân chính và để khỏi làm cho người ngoài một lần nữa hiểu lầm quan điểm của Giáo hội Chúa. Người Công giáo tôn trọng những chọn lựa của các anh chị em ngoài Công giáo, nhưng tôn trọng không đồng nghĩa với tán thành... Không nên có những phê bình kết án gay gắt nhưng cũng không dễ dãi hòa theo. Cần khẳng định rằng không phải hễ cứ có một số người có học chạy theo là mê tín trở thành chuyện đáng tin.

Người Công giáo cần nhớ lại Giáo hội Việt Nam đã phải trả giá đắt như thế nào để giữ vững đức tin cho tín hữu, thà bị hiểu lầm rằng theo đạo là bỏ ông bỏ bà còn hơn là để cho tín hữu rơi vào lầm lạc mê tín.

Cần nhớ rằng ma quỷ có bề dày kinh nghiệm bằng lịch sử loài người và đang thực hiện một công cuộc xuyên lịch sử: đập đổ lòng tin vào Thiên Chúa. Để dạy người ta tin vợ thờ quấy thay vì tin thờ Thiên Chúa, nó tùy cơ ứng biến, tận dụng mọi cách thế, mọi cơ hội và hoàn cảnh, chỉ cốt sao lung lạc được đức tin người đời, dẫn dụ họ tin bất cứ cái gì cũng được, miễn là đừng tin vào Thiên Chúa chân thật. Ở một thời mà đêm về thôn quê chìm trong tăm tối, nó hiện hình quấy phá theo một kế hoạch có sẵn, gây sợ hãi để khiến người ta dần dần hình thành những tin tưởng lệch lạc có hệ thống. Khi nông thôn được điện khí hóa, nó nhảy vào phim ảnh, TV, video. Đến thời kỹ thuật số nó "phục vụ" trong điện thoại di động và internet. Ở mọi thời, nó tìm mọi cách khiến người ta tham lam, si mê, thù hận...

Sau bao nhiêu năm chiến tranh, thiên hạ có nhu cầu tìm mộ thân nhân, nó mau mắn phục vụ bằng cách khoác áo hồn người chết, giả dạng tổ tiên hiện về mách bảo, vv.. Nó xúi giục người ta phá thai rồi lại mượn danh oan hồn những thai nhi bị sát hại để gây âu lo, tuyệt vọng.

Ma quỷ lộng giả thành chân, dùng thủ thuật pha trộn 50% điều sai với 50% điều đúng, có khi 90% đúng chỉ cần 10% sai cũng đủ dần dần dẫn người ta vào sai lạc.

Với những chạy theo chuyện gọi hồn người chết, nó cung cấp những chi tiết gây tin tưởng: Giọng nói y hệt - lịch sự và thân thiện. Thế nhưng, đã là quỷ thì chuyện nói giống giọng người này người nọ hoặc cung cấp những chi tiết ngoạ mục về vị trí thi hài người đã chết còn dễ hơn trẻ con chơi game. Để thu hút lòng tin của người lành, nó còn đóng vai những bậc tiền hiền

hoặc danh nhân lịch sử rất lịch sự, thân thiện và đầy nhân ái. Thậm chí, nó còn giả dạng Cha Trời giảng cơ dạy bảo những điều có vẻ lành thánh khiến thiên hạ bị lừa.

Muốn dựng lại quá khứ, ta cần kiên nhẫn tìm tòi các chứng liệu bằng văn bản, bi ký và các bút tích khác, cần đầu tư cho các bạn trẻ học chuyên sâu về Hán Nôm và lịch sử, tuyệt đối không chạy theo những chuyện vu vơ nhằm nhí. Người tín hữu Chúa thà chấp nhận vất vả và kiên trì để biết đúng sự thật hơn là chạy theo những cách giải quyết dễ dãi để rơi vào những giả dối lầm lạc do ma quỷ lừa gạt. Bởi vì, chỉ có sự thật mới đem lại tự do, bình an và hiệp nhất.

Lm TRĂNG THẬP TỰ VÕ TÁ KHÁNH

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ võ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA